

Bản án số: 01/2023/HS-PT
Ngày 04 – 01 – 2023

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú

Các Thẩm phán:

Bà Trần Thị Hòa Hiệp

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Tiểu Phương Quyên, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Hồng Đào – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27 tháng 12 năm 2022 và ngày 04 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 242/2022/TLPT-HS ngày 26 tháng 4 năm 2022 đối với bị cáo Nguyễn Văn Ph và các bị cáo khác. Do có kháng cáo của các bị cáo H Danh T1, Nguyễn Chí T2, Ngô Thị Bích H1, H Diệu Y, Dương Thị Mỹ H2, Nguyễn Văn M, Nguyễn Anh S, H Xuân H3, Đặng T7 T3, Nguyễn Hải N, Phạm Văn H4, Đỗ Văn D, Phạm Văn K, Nguyễn Thị H5 đối với Bản án Hình sự sơ thẩm số 58/2021/HS-ST ngày 16 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- *Bị cáo có kháng cáo, không bị kháng cáo, không bị kháng nghị:*

1. H Danh T1, sinh năm 1969 tại tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: Thôn 12, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nghề ngH3: làm nông; trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông H Danh Th và bà Nguyễn Thị X; có vợ là Doãn Thị L và 03 con (lớn nhất sinh năm 1991, nhỏ nhất sinh năm 1996); bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 08-7-2020 đến ngày 26-8-2020, tại ngoại. (có mặt)

2. Nguyễn Chí T2, sinh năm 1980 tại tỉnh Đắk Nông, nơi cư trú: Thôn Đăk Thọ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, nghề ngH3: Bảo vệ; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông Nguyễn Xuân B (đã chết) và bà Nguyễn Thị L; có vợ là Lê Thị L và 03 con (lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2019); bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 08-7-2020 đến ngày 26-8-2020; tại ngoại. (có mặt)

3. Ngô Thị Bích H1, sinh năm 1991 tại tỉnh Đắk Nông, nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nghề ngH3: Làm nông; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ, tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt N; con ông Ngô Xuân

S và bà Nguyễn Thị S; có chồng là Doãn Bá Tr và 02 con (con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2019); tại ngoại. (có mặt)

4. H Diệu Y, sinh năm 2001 tại tỉnh Đắk Lắk, nơi cư trú: Thôn 01, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, nghề ngH3: Làm nông; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ, tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt N; con ông H Thái H và bà Nguyễn Thị Ngọc D; bị cáo chưa có chồng, con; tại ngoại. (vắng mặt)

5. Dương Thị Mỹ H2, sinh năm 1997 tại tỉnh Đắk Lắk, nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nghề ngH3: Làm nông; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; giới tính: nữ; quốc tịch: Việt N; con ông Dương T2 Ph (đã chết) và bà Nguyễn Thị T5 S; bị cáo chưa có chồng, con; tại ngoại. (vắng mặt)

6. Nguyễn Văn M, sinh năm 1996 tại tỉnh Đắk Lắk, nơi cư trú: Tổ 2, thị trấn K, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nghề ngH3: Làm nông; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông Nguyễn Văn T và bà Đàm Thị Th; có vợ là H Ngọc Á và 01 con (sinh năm 2020); tại ngoại. (có mặt)

7. Nguyễn Anh S, sinh năm 1993 tại T8 phố Hải Phòng, nơi cư trú: Tổ 5, thị trấn A, huyện A, T8 phố Hải Phòng; nghề ngH3: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông Nguyễn Văn X và bà Nguyễn Thị Nh; có vợ là chị Trần Thị C; bị bắt tạm giữ ngày 03-11-2020 đến ngày 12-11-2020, tại ngoại. (có đơn xin vắng mặt)

8. H Xuân H3, sinh năm 1994 tại T8 phố Hải Phòng, nơi cư trú: Xóm 4, xã L, huyện A, T8 phố Hải Phòng; nghề ngH3: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông H Xuân S (đã chết) và bà Mai Thị H; có vợ là chị Trần Thu T; tại ngoại. (có mặt)

9. Đặng T7 T3, tên gọi khác: T Con, sinh năm 1992 tại T8 phố Hải Phòng, nơi cư trú: 1/199 Q, phường H, quận H, T8 phố Hải Phòng; nghề ngH3: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông Đặng Văn H (đã chết) và bà Đỗ Thị Th; bị cáo chưa có vợ, con; nhân thân: Ngày 03/4/2015 bị Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội xử phạt 18 tháng 28 ngày tù về tội “Gây rối trật tự C2 cộng”, đã chấp hành xong hình phạt và xóa án tích; bị bắt tạm giữ ngày 03-11-2020 đến ngày 12-11-2020, tại ngoại. (có đơn xin vắng mặt)

10. Nguyễn Hải N, sinh năm 1995 tại T8 phố Hải Phòng, nơi đăng ký HKTT: 39/4/170 P, phường N, quận L, T8 phố Hải Phòng, chỗ ở hiện nay: 2/104 T, phường A, quận L, T8 phố Hải Phòng; nghề ngH3: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông Nguyễn Khắc L và bà H Thị Thu N; có vợ là Tống Hương U và 02 con (con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2019); Nhân thân: Ngày 24/01/2017 bị Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng tại Bản án số 08/2017/HSST ngày 24/01/2017 về tội “ĐA2 bạc”; Đã chấp hành xong hình phạt và xóa án tích; bị bắt tạm giữ ngày 03-11-2020 đến ngày 12-11-2020, tại ngoại. (có đơn xin vắng mặt)

11. Phạm Văn H4, sinh năm 1982 tại tỉnh N Định, nơi cư trú: Thôn Đ, xã N, huyện N, tỉnh N Định; nghề ngH3: Làm nông; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh;

giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông Phạm Văn C và bà Đỗ Thị C; có vợ là Nguyễn Thị Nhâm T và 02 con (con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2009); bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 30-8-2020 đến ngày 10-09-2020, tại ngoại. (vắng mặt)

12. Đỗ Văn D, sinh năm 1983 tại tỉnh N Định, nơi cư trú: Thôn Đ, xã N, huyện N, tỉnh N Định; nghề ngH3: Lao động tự do; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông Đỗ Văn Đ và bà Nguyễn Thị V; có vợ là Nguyễn Thị T và 03 con (con lớn nhất sinh năm 2011, con nhỏ nhất sinh năm 2018); bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 30-8-2020 đến ngày 10-09-2020, tại ngoại. (có mặt ở phiên tòa ngày 27/12/2022, vắng mặt ngày 04/01/2023)

13. Phạm Văn K, sinh năm 1992 tại tỉnh N Định, nơi cư trú: Xóm 11, xã H, huyện H, tỉnh N Định; nghề ngH3: Thợ S ô tô; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông Phạm Văn Th và bà Nguyễn Thị N; có vợ là Nguyễn Thị L và 01 con (sinh năm 2018); bị bắt tạm giam ngày 30-10-2020 đến ngày 13-11-2020, tại ngoại. (vắng mặt ở phiên tòa ngày 27/12/2022, có mặt ngày 04/01/2023)

14. Nguyễn Thị H5, sinh năm 1976 tại tỉnh N Định, nơi cư trú: Thôn Đ, xã N, huyện N, tỉnh N Định, nghề ngH3: Làm nông; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ, tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông Nguyễn Văn B (đã chết) và bà Lương Thị N; có chồng là Đỗ Văn N và 02 con (con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 2000); tại ngoại. (có mặt ở phiên tòa ngày 27/12/2022, vắng mặt ngày 04/01/2023 và có đơn xin vắng mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn M:* Ông Nguyễn Văn H, là Luật sư của Văn phòng Luật sư Nguyễn Thiên H thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đắk Nông. (có mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị H5:* Ông Nguyễn T2 L, là Luật sư của Văn phòng Luật sư L thuộc Đoàn Luật sư T8 phố Hồ Chí M1. (có mặt)

Ngoài ra, trong vụ án còn có các bị cáo Nguyễn T8 Đ1, Nguyễn T8 L1, H' V, Nguyễn Thị B, Trần Danh D1, Trịnh Thị T3, Trần Thị L, Nguyễn Văn C1, Vũ Chí C2, Phạm Thị K1, Vũ Thị Vân A, Thượng T2 P, Lê Thị L4, Nguyễn Thị Ph L2, Ngô Quốc T4, Nguyễn Thị C4, Nguyễn Thị Ngọc T5, Nguyễn Thị L3, Nguyễn Thị Hà V, Nguyễn Thị T2 T6, H' N, H' C, H' T, Dương Thị H6 N1, Trương M1 T7, Trương M1 Đ, Đặng C2 Nhật T8, Đặng Hiếu T9, Lương Nhật M, Đỗ Văn T10, Nguyễn Thị H6, Nguyễn Thị H7, Trần Văn C5, Trần Văn M1, Lê Thị Thu H8, Trần Nguyễn Bích T11 không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

Các bị cáo Nguyễn Văn Ph, Nguyễn T8 L5 có kháng cáo nhưng đã rút kháng cáo trước khi mở phiên tòa. Tòa án nhân dân cấp cao tại T8 phố Hồ Chí M1 đã ra Thông báo về việc rút kháng cáo số 24/2022/TB-TA ngày 13/6/2022 theo quy định của pháp luật.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu tháng 7/2020, thông qua Ph tiện truyền thông, mạng xã hội và nắm tình hình, C2 an tỉnh Đắk Nông phát hiện trên địa bàn tỉnh Đắk Nông có nhiều đối tượng nhận làm giấy phép lái xe các loại mà không phải qua thi sát hạch, người muốn sử dụng giấy phép lái xe chỉ cần cung cấp thông tin cá nhân, ảnh chân dung và tiền cho đối tượng thì trong thời gian từ 10 - 30 ngày sau sẽ có Giấy phép lái xe và hồ sơ sát hạch theo yêu cầu. Các đối tượng nhận làm giả tài liệu thực hiện qua nhiều đầu mối Tr1 gian để hưởng tiền chênh lệch (H5 hồng), Ph thức thủ đoạn hoạt động rất tinh vi, nhận và chuyển thông tin cá nhân thông qua tin nhắn, không trực tiếp gặp mà lập các Tr cá nhân ảo để đăng tin, sử dụng số điện thoại không chính chủ giới thiệu nhằm tìm kiếm người làm để kết nối, mở rộng địa bàn ở nhiều địa Ph trên cả nước, số lượng tài liệu là giấy phép lái xe và hồ sơ kèm theo bị làm giả lớn. Để ổn định tình hình C2 an tỉnh Đắk Nông đã quyết tâm đấu Tr triệt phá. Ngày 07/7/2020 khi H Danh T1 đang giao 02 giấy phép lái xe hạng A1 và nhận tiền từ Trương M1 T7 tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, thì bị C2 an tỉnh Đắk Nông bắt quả tang cùng tang vật, T hành khám xét khẩn cấp đã phát hiện, thu giữ nhiều đồ vật, tài liệu liên quan đến hành vi “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”. T1 bị bắt tạm giữ để điều tra đã khai nhận nội dung sự việc, mở rộng điều tra đã thu giữ được nhiều giấy phép lái xe và tài liệu giả liên quan đến đường dây làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức ở nhiều tỉnh, T8 phổ trên cả nước. Cơ quan CSĐT C2 an tỉnh Đắk Nông đã khởi tố 52 bị cáo, về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”, hành vi phạm tội thể hiện:

* Tại tỉnh Thái B: 2 bị cáo

1. Bị cáo Nguyễn Văn Ph: Khoảng tháng 12/2018, Nguyễn Văn Ph sử dụng Tr Facebook tên “Nguyễn Ph” thấy Facebook có tên “N D” (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) đăng bài “nhận làm bằng lái xe các loại, không cần học và thi, có hồ sơ gốc”. Ph trao đổi, kết bạn và đặt “N D” làm 01 giấy phép lái xe hạng A1 cho vợ của mình là Nguyễn Thị V (đã L2 hôn), chi phí hết 1.500.000đ, rồi Ph cung cấp thông tin cá nhân và ảnh chân dung gửi qua tin nhắn zalo cho “N D”, Ph chuyển trước 200.000đ tiền đặt cọc cho “N D” qua số tài khoản 060183445823 mang tên Đoàn Văn Tr mở tại Ngân hàng Sacombank chi nhA2 TP Hồ Chí M1. Khoảng 10 ngày sau thì Ph nhận được giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Thị V cùng 01 bộ hồ sơ gồm: (*biên bản tổng hợp kết quả sát hạch; bài sát hạch lý thuyết; Giấy khám sức khỏe và Đơn đề nghị học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe có dán ảnh của V*), cơ quan cấp giấy phép lái xe là Sở Giao thông vận tải TP Hà Nội nhưng phần thông tin cá nhân trong hồ sơ đang bỏ trống. Ph T2 toán số tiền 1.300.000đ còn lại theo hình thức COD (thu hộ) cho nhân viên giao hàng và nhận giấy phép lái xe cùng hồ sơ. Hiện vợ chồng Ph đã L2 hôn, V không có mặt tại địa Ph nên CQĐT không thu giữ được Giấy phép lái xe của V (BL 2708).

Thấy việc đặt làm giấy phép lái xe đơn giản nên Ph nảy sinh ý định nhận của người có nhu cầu cần làm, rồi đặt cho “N D” để hưởng chênh lệch. “N D” thống nhất với Ph nhận làm giấy phép lái xe hạng A1 giá 600.000đ, hạng A2 giá 800.000đ và giấy phép lái xe ô tô các hạng giá 2.000.000đ. Ph sử dụng số điện thoại 0966299951 không chính chủ để tạo Facebook và Zalo tên Nguyễn M1 Q, rồi đăng thông tin giới thiệu “nhận làm giấy phép lái xe các loại không cần thi, có hồ sơ gốc” để tìm người làm và sử dụng tài khoản số 0211000488090 của Ngân hàng Vietcombank mang tên

Ph để nhận tiền đặt cọc. Ngoài ra, Ph còn mượn tài khoản số 7550196886888 của anh Nguyễn Cao P, trú tại thôn T, xã M, huyện V, tỉnh Thái B để giao dịch. Ph tiếp tục đặt “N D” làm giả căn cước C2 dân mang tên Nguyễn Cao P để hợp thức hóa khi sử dụng thẻ ATM của anh P. Thời gian này, em họ của Ph là Nguyễn T8 L5 biết được nên xin làm cùng, thì Ph đồng ý. Để hưởng lợi tiền chênh lệch, Ph nói L5 nhận làm giấy phép lái xe hạng A1 từ 1.000.000đ đến 1.600.000đ (hưởng lợi 400 nghìn đến 1.000.000đ); hạng A2 giá từ 1.800.000đ đến 2.300.000đ (hưởng lợi 1 triệu đồng đến 1.500.000đ); giấy phép lái xe ô tô các hạng giá từ 8.000.000đ đến 9.000.000đ (hưởng lợi 6 triệu đến 7 triệu). Nếu ai đồng ý làm thì phải đặt cọc trước chuyển vào tài khoản cho Ph (hạng A1 là 300.000đ, hạng A2 là 500.000đ và giấy phép lái xe ô tô là 2.000.000đ). L5 tự liên hệ người làm và được hưởng lợi phần chênh lệch khi thỏa thuận với khách, sau đó L5 chuyển thông tin cá nhân của người cần làm và tiền cho Ph để Ph đặt “N D” làm, Ph không hưởng lợi đối với các trường hợp là khách của L5. Khi làm xong “N D” sẽ gửi tài liệu về cho Ph, rồi Ph và L5 gửi tiếp cho khách theo hình thức COD (thu hộ) và nhận số tiền còn lại, cụ thể:

Tháng 12/2018, Ph chuyển 1.000.000đ để đặt làm giả 01 căn cước C2 dân mang tên Nguyễn Cao P. Tháng 8/2019 Ph nhận của H Danh T1, trú tại xã Đắc Lao, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông số tiền 41.000.000đ để làm 27 giấy phép lái xe cho T1, trong đó có 17 giấy phép lái xe A1 nhận giá 1.200.000đ và 09 giấy phép lái xe A1 nhận giá 1.400.000đ, 01 giấy phép lái xe B2 giá 8.000.000đ. Ph đã chuyển cho “N D” 18.600.000đ, hưởng lợi 23.400.000đ.

Tháng 6/2020, Ph nhận của Nguyễn T8 L1, trú tại Tổ 10, phường Hòa Phát, Quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng số tiền 3.200.000đ để làm 02 giấy phép lái xe hạng A1, chuyển cho “N D” 1.200.000đ, hưởng lợi 2.000.000đ.

Tháng 7/2020, Ph nhận của Nguyễn T8 Đ1, trú tại Kênh C, phường Đ, TP. P, tỉnh Ninh Thuận số tiền 4.400.000đ để làm 04 giấy phép hạng A1, chuyển cho “N D” 2.400.000đ, hưởng lợi 2.000.000đ. Ph nhận làm cho Đặng C2 Nhật T8 01 giấy phép lái xe hạng A2 giá 2.300.000đ, chuyển cho “N D” 800.000đ, hưởng lợi 1.500.000đ.

Riêng Nguyễn T8 L5 đã chuyển thông tin cho Ph để làm giả 34 tài liệu, gồm 22 giấy phép lái xe các loại: 08 Biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe; 04 giấy khám sức khỏe với tổng số tiền 23.000.000 đồng.

Tổng cộng Nguyễn Văn Ph đã nhận tổng số tiền 70.900.000đ và đặt “N D” làm 70 tài liệu gồm: 56 giấy phép lái xe các loại và 01 căn cước C2 dân; 09 biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe; 04 giấy khám sức khỏe (*qua kết quả giám định tất cả các tài liệu đều là giả*). Ph đã chuyển cho “N D” 42.000.000đ, trong đó có 23.000.000đ do Nguyễn T8 L5 chuyển qua, Ph hưởng lợi tổng số tiền là 28.900.000 đồng.

2. Bị cáo Nguyễn T8 L5: L5 sử dụng số điện thoại 0962404012 để tạo Facebook tên “Nguyễn H” và zalo tên “Băng B” để liên lạc trong quá trình nhận làm giấy phép lái xe giả với Nguyễn Văn Ph, mượn tài khoản Ngân hàng Techcombank số 19034908595011 mang tên Trần Văn T, trú tại Thôn L, xã T, huyện V, tỉnh Thái B để nhận chuyển tiền. Với phương thức như Ph, L5 đăng thông tin lên Tr facebook “Nguyễn H” để giới thiệu, tìm kiếm người có nhu cầu cần làm, khi có người liên hệ, L5 yêu cầu họ kết bạn và trao đổi, chuyển thông tin cho L5 qua tin nhắn zalo và

chuyển tiền đặt cọc vào số tài khoản của T. Sau khi nhận thông tin và tiền, L5 chuyển lại cho Ph đặt làm, cụ thể:

Tháng 02/2020, Nguyễn T8 L5 nhận làm cho Nguyễn Anh S, trú tại Thị trấn A, huyện A, TP Hải Phòng 08 giấy phép lái xe gồm: 01 hạng A1 giá 1.300.000đ; 01 hạng B1 giá 7.000.000đ; 05 hạng B2 giá 8.000.000đ; 01 hạng C giá 11.000.000đ. Tổng cộng L5 đã nhận của S 59.300.000đ, L5 đưa cho Ph 14.600.000 đồng, hưởng lợi 44.700.000 đồng.

Tháng 3/2020, L5 nhận 11.700.000đ và làm cho Đỗ Văn D, trú tại Thôn Đ, xã N, huyện N, tỉnh N Định 09 giấy phép hạng A1 giá 1.300.000đ. L5 chuyển cho Ph 5.400.000 đồng, hưởng lợi 6.300.000đ.

Tháng 3/2020, L5 nhận 6.500.000đ và làm cho Phạm Văn H4, trú tại Thôn Đ, xã N, huyện N, tỉnh N Định 05 giấy phép hạng A1 với giá 1.300.000 đồng. Nguyễn T8 L5 chuyển cho Ph 3.000.000 đồng, hưởng lợi 3.500.000 đồng.

Tổng cộng Nguyễn T8 L5 đã nhận số tiền 77.500.000 đồng để đặt làm 34 tài liệu giả gồm 22 giấy phép lái xe các loại: 08 biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe; 04 giấy khám sức khỏe. L5 đã chuyển cho Ph số tiền 23.000.000 đồng, thu lợi bất chính 54.500.000 đồng.

* Tại tỉnh Đắk Nông: 25 bị cáo

3. Bị cáo H Danh T1: Khoảng tháng 5/2019 T1 sử dụng Facebook tên “H Danh T1” thấy bài của Nguyễn Văn Ph đăng trên Tr “Nguyễn M1 Q”, biết vợ là Doãn Thị L6 chưa có giấy phép lái xe nên T1 tự đặt Ph làm giấy phép lái xe hạng A1 cho Lý với giá 1.400.000đ. Sau đó, T1 liên hệ tiếp với Ph nhận làm giấy phép lái xe cho nhiều người trên địa bàn tỉnh Đắk Nông để hưởng tiền chênh lệch. Ph thống nhất với T1 giá làm giấy phép hạng A1, A2 từ 1.200.000đ đến 1.400.000đ, giấy phép lái xe ô tô giá 8.500.000đ. T1 đăng thông tin nhận làm giấy phép lái xe lên Tr facebook cá nhân của mình và ra giá nhận làm hạng A1, A2 là 1.800.000đ, giấy phép lái xe ô tô giá 11.000.000đ, khách đồng ý làm thì phải đặt tiền cọc trước cho T1 từ 800.000đ đến 1.000.000đ đối với giấy phép hạng A1, A2 và 3.000.000đ đến 4.000.000đ đối với giấy phép lái xe ô tô. Tiền đặt cọc chuyển cho T1 vào tài khoản số 63510000764093 của Ngân hàng BIDV Chi nhánh huyện Đ hoặc đưa trực tiếp. Quá trình hoạt động, H Danh T1 rủ Nguyễn Chí T2 ở cùng thôn cùng tham gia và cho T2 150.000đ/tài liệu nếu tìm được người làm, thì T2 đồng ý, cụ thể:

Tháng 5/2019 T1 tự đặt Ph làm cho vợ là Doãn Thị L6 01 giấy phép hạng A1 giá 1.400.000đ.

Tháng 10/2019, T1 nhận của Nguyễn Chí T2, trú tại thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông số tiền 36.450.000đ để làm 25 tài liệu gồm: 24 giấy phép lái xe các loại, 01 biên bản tổng hợp kết quả. T1 chuyển cho Nguyễn Văn Ph 37.200.000đ để làm 15 giấy phép hạng A1 với giá 1.200.000đ, 08 giấy phép A1 giá 1.400.000đ và 01 giấy phép hạng B2 giá 8.000.000đ. T1 chia cho T2 Số tiền 750.000đ.

Tháng 6/2020, T1 nhận làm cho Trương M1 T7 và Trương M1 Đ, trú tại Tổ 5, thị trấn K, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông 02 giấy phép hạng A1 giá 1.800.000đ. T1 nhận của T và Đ 3.600.000đ. Khi T1 đang đưa giấy phép lái xe và nhận tiền từ T thì bị bắt quả tang cùng tang vật.

Tổng cộng H Danh T1 đã nhận 40.450.000 đồng và đặt làm 28 tài liệu giả, chuyển cho Ph 41.000.000 đồng, cho Nguyễn Chí T2 750.000đ, T1 chưa thu lợi.

4. Bị cáo Nguyễn Chí T2: T2 đến nhà T1 chơi nghe T1 nói về việc T1 đặt Ph làm giấy phép lái xe giả, có hồ sơ sát hạch kèm theo, chi phí làm giấy phép hạng A1 là 1.800.000đ. T1 nói T2 tìm người làm và sẽ chia cho T2 150.000đ/hồ sơ nếu tìm được người làm, thì T2 đồng ý. Sau đó, T2 đăng thông tin lên Tr Facebook tên “Xuân T2” của mình để giới thiệu mình làm được giấy phép lái xe, có hồ sơ nhưng không phải đi thi, chi phí làm giấy phép hạng A1 là 1.800.000đ, cụ thể:

Tháng 10/2019, T2 biết anh Hồ Ngọc A2, trú tại thôn Thuận N, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông muốn nộp hồ sơ thi giấy phép lái xe hạng B2 nên T2 tự lấy thông tin cá nhân của anh A2 và số tiền 3.000.000đ chuyển cho T1 để làm 01 giấy phép lái xe hạng B2 cho A2 (BL 599, 612 613).

Tháng 3/2020, T2 nhận thông tin cùng số tiền 1.800.000đ của Thượng T2 P, trú tại Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông và chuyển cho T1 để làm 01 giấy phép hạng A1 cho Ph.

Tháng 4/2020, T2 nhận của Ngô Thị Bích H1, trú tại Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông số tiền 28.800.000đ để làm 20 giấy phép hạng A1. T2 chuyển hết tiền cho T1 và được T1 cho 750.000đ.

Tháng 5/2020, vợ của T2 là Lê Thị L4 nhận và chuyển thông tin cá nhân, ảnh của Trần Danh D1, trú tại Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông để T2 nhận đặt làm 01 giấy phép hạng A1 với giá 1.800.000đ cho D1, sau khi nhận thì Trịnh Thị T3 (vợ D1 viết thông tin vào biên bản tổng hợp kết quả thi sát hạch; T2 nhận thông tin cùng số tiền 1.800.000đ của Dương Thị H6 N1, trú tại Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông và chuyển cho T1 để làm 01 giấy phép hạng A1 cho Dương Thị Mỹ H2 (em của N1).

Tổng cộng Nguyễn Chí T2 đã nhận 37.200.000đ để đặt làm 25 tài liệu giả, chuyển cho T1 36.450.000đ, thu lợi số tiền 750.000 đồng.

5. Bị cáo Thượng T2 P: Tháng 5/2020, Ph đến cửa hàng Viettel ở thị trấn Đ, thì gặp Nguyễn Chí T2 đang làm bảo vệ tại đây. Do đã quen biết trước nên Ph nói với T2 về việc muốn đặt làm giấy phép hạng A1 sử dụng. T2 nói với Ph biết nơi đặt làm, có hồ sơ nhưng không cần phải đi thi, Ph nghe xong đặt T2 làm cho mình giấy phép hạng A1 với giá 1.800.000đ. Ph đưa chứng M1 nhân dân cho T2 chụp lại lấy thông tin cá nhân và 03 ảnh chân dung. Khoảng 20 ngày sau, T2 đến nhà giao cho Ph 01 giấy phép lái xe hạng A1 có hình và thông tin cá nhân của Ph cùng 01 bộ hồ sơ sát hạch có dán ảnh của Ph nhưng phần thông tin trên hồ sơ bỏ trống. Ph đưa cho T2 1.800.000đ và nhận tài liệu về sử dụng đến khi bị Cơ quan điều tra thu giữ, kết quả giám định giấy phép lái xe của Ph là không phải do cơ quan nhà nước phát hành.

6. Bị cáo Trần Danh D1: Đầu tháng 5/2020, D1 nói với vợ của mình là Trịnh Thị T3 tìm đặt làm giấy phép lái xe cho D1 sử dụng, vì đi thi sợ không đậu. Sau đó, Tr nói với D1 chồng của Lê Thị L4 (làm C2 ty cây xanh cùng Tr) là Nguyễn Chí T2 nhận làm giấy phép lái xe A1 với giá 1.800.000 đồng, chỉ cần cung cấp thông tin cá nhân và đặt tiền cọc trước thì sau 20 ngày sẽ có giấy phép lái xe, D1 đồng ý và nói Tr liên hệ với L4 để đặt làm giấy phép lái xe cho D1. Tr lấy điện thoại chụp chứng M1

nhân dân và ảnh chân dung của D1 rồi chuyển cho Tr. Khoảng 20 ngày sau T2 đến nhà giao cho D1 01 giấy phép hạng A1 có hình và thông tin cá nhân của D1 cùng 01 bộ hồ sơ sát hạch nhưng phần thông tin cá nhân trên hồ sơ đang bỏ trống, Tr đưa cho T2 1.800.000đ và nhận tài liệu sử dụng đến khi bị Cơ quan điều tra thu giữ, kết quả giám định giấy phép lái xe của D1 là không phải do cơ quan nhà nước phát hành, chữ viết trong biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe là chữ của Trịnh Thị T3.

Tổng cộng D1 đã chuyển cho T2 1,8 triệu để T2 làm 02 tài liệu giả là 01 giấy phép lái xe và 01 biên bản tổng hợp kết quả sát hạch.

7. Bị cáo Trịnh Thị T3: Khi nghe chồng là Trần Danh D1 nói tìm người đặt làm giấy phép lái xe nên khi đi làm với Lê Thị L4 tại C2 ty cây xanh C, thì Tr kể cho L4 nghe. L4 nói với Tr chồng của L4 là Nguyễn Chí T2 biết nơi đặt làm giấy phép lái xe, không phải đi thi nhưng vẫn có hồ sơ, chi phí làm hết 1.800.000đ, nếu làm thì cung cấp thông tin cá nhân và ảnh chân dung cho L4 để chuyển lại cho T2, Tr về nói lại cho D1 thì D1 đồng ý, Tr chụp chứng M1 nhân dân và ảnh chân dung của D1 rồi chuyển qua cho L4. Sau khi làm xong, T2 đến nhà giao cho D1 01 giấy phép hạng A1 có hình và thông tin cá nhân của D1 cùng 01 bộ hồ sơ sát hạch. Tr đưa cho T2 1.800.000đ, D1 nhận và Tr ghi thông tin của D1 vào biên bản tổng hợp kết quả, rồi cất hồ sơ đến khi bị thu giữ. kết quả giám định giấy phép lái xe của D1 là giả, chữ viết trong biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe là chữ của Trịnh Thị T3.

8. Bị cáo Lê Thị L4: Khi nghe Tr kể về chồng của Tr là Trần Danh D1 muốn đặt làm giấy phép lái xe, thì L4 nói với Tr là chồng của L4 nhận làm, không phải đi thi, chỉ cần cung cấp thông tin cá nhân và tiền cọc, chi phí hết 1.800.000đ. Tr đồng ý đặt làm giấy phép lái xe cho D1 nên dùng tài khoản zalo “Vượt L1 hồi” gửi thông tin cá nhân và ảnh chân dung của D1 qua tin nhắn cho L4 để L4 chuyển lại cho Nguyễn Chí T2. Sau khi làm xong, T2 trực tiếp đến nhà giao giấy phép lái xe và hồ sơ cho D1 và nhận tiền từ Tr.

9. Bị cáo Ngô Thị Bích H1: H1 là cộng tác viên thường hay giới thiệu người đến học tại Tr1 tâm đào tạo và sát hạch lái xe Đ ở xã Đ, huyện Đ và nhận tiền H5 hồng nên biết một số người đã thi sát hạch lái xe nhưng không đậu và muốn đặt mua giấy phép lái xe để sử dụng. H1 sử dụng Facebook của mình có tên “H1 Sino” thấy bài đăng của Nguyễn Chí T2 nên vào liên hệ. Sau khi trao đổi, H1 đến gặp T2 để thống nhất việc nhận làm giấy phép lái xe. T2 nói H1 tìm người muốn đặt làm giấy phép hạng A1 giá 1.800.000đ, cứ mỗi người đặt làm H1 sẽ được T2 cho 50.000đ nên H1 đồng ý. H1 đăng thông tin lên trang Facebook “H1 Sino” để giới thiệu nhận làm giấy phép lái xe hạng A1 giá từ 1.800.000đ đến 2.300.000đ, cụ thể:

Khoảng cuối tháng 4/2020, H1 nhận của H Diệu Y, trú tại Thôn 4, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông số tiền 4.400.000đ để làm 02 giấy phép lái xe hạng A1 cùng hồ sơ cho H Diệu Y và Nguyễn Thị Ph L2. H1 chuyển cho T2 3.600.000đ, hưởng lợi 800.000đ. H1 nhận của Ngô Quốc T4 và Nguyễn Thị Ngọc T5, trú tại xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông số tiền 4.400.000 đồng để làm 02 giấy phép lái xe hạng A1 cùng hồ sơ. H1 chuyển cho T2 3.600.000đ, hưởng lợi 800.000đ.

Đầu tháng 5/2020, H1 nhận của Nguyễn Thị B, trú tại Thôn Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông số tiền 3.600.000 đồng để làm 02 giấy phép hạng A1 cho Nguyễn Thị

B và Nguyễn Thị T2 T6. H1 chuyển hết số tiền này cho T2. Sau đó, H1 nhận của Nguyễn Thị C4, Nguyễn Đình Đức V1, Nguyễn Thị Hà V số tiền 5.400.000 đồng để làm 03 giấy phép hạng A1 và hồ sơ. H1 chuyển hết số tiền này cho T2.

Đến giữa tháng 5/2020, H1 nhận của H' V, trú tại Bon B, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông số tiền 4.800.000đ để làm 02 giấy phép hạng A1 cùng hồ sơ cho H' T và H' N. H1 chuyển cho T2 3.600.000đ và cho H' V 200.000đ, hưởng lợi 1.000.000đ.

Đầu tháng 6/2020, H1 nhận của Nguyễn Văn M, trú tại Tổ 2, thị trấn K, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông số tiền đặt cọc 8.000.000đ để làm 08 giấy phép hạng A1 cùng hồ sơ giá 1.800.000đ/bộ. H1 giao hết số tiền nhận đặt cọc cho T2, chưa được hưởng lợi. H1 nhận của Nguyễn Thị L3, trú tại Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông số tiền đặt cọc 1.000.000đ để làm 01 giấy phép hạng A1 cùng hồ sơ. H1 chuyển hết số tiền này cho T2 và làm xong giấy phép nhưng chưa kịp giao giấy phép lái xe cho Nguyễn Thị L3 thì bị phát hiện thu giữ.

Tổng cộng Ngô Thị Bích H1 đã nhận số tiền 31.600.000 đồng để làm 20 tài liệu là giấy phép lái xe giả, chuyển cho T2 28.800.000đ, cho H' V 200.000 đồng, thu lợi bất chính 2.600.000 đồng.

10. Bị cáo H Diệu Y: Khoảng tháng 4/2020, H Diệu Y hẹn Nguyễn Thị Ph L2 nộp hồ sơ thi giấy phép lái xe hạng A1 để sử dụng. Y thấy Ngô Thị Bích H1 đăng lên Facebook “H1 Sino” nội dung nhận hồ sơ thi bằng lái xe các loại nên liên hệ với H1 để đăng ký. H1 yêu cầu Y cung cấp bản photo chứng M1 nhân dân và hộ khẩu cùng ảnh chân dung, đồng thời đóng tiền lệ phí 800.000đ. Y thông báo cho L2 biết rồi lấy hồ sơ và số tiền 1.600.000 đồng đưa cho H1. Sau đó, H1 nhắn tin nói Y mua luôn giấy phép lái xe để khỏi phải đi thi với giá 2.200.000đ, Y thông báo cho L2 biết nên L2 cũng đồng ý đặt làm. Khoảng 01 tháng sau H1 giao cho Y 01 giấy phép lái xe có dán ảnh và thông tin cá nhân của Y; 01 giấy phép lái xe có dán ảnh và thông tin cá nhân của L2 cùng 02 bộ hồ sơ kèm theo, Y đưa cho H1 2.800.000đ còn lại. Nhận xong Y đưa giấy phép lái xe cùng hồ sơ cho L2 và nhận 1.400.000đ. Khoảng tháng 7/2020, H1 nói Y giao lại giấy phép lái xe cho H1 để cập nhật thông tin nên Y lấy giấy phép lái xe của Y và của L2 giao lại cho H1, còn hồ sơ thì Y và L2 vẫn giữ. Kết quả giám định 02 giấy phép lái xe của Y và L2 là không phải do cơ quan nhà nước phát hành.

11. Bị cáo Nguyễn Thị Ph L2: Tháng 4/2020, H Diệu Y nói L2 đưa chứng M1 nhân dân (photo) và ảnh chân dung cùng số tiền 800.000 đồng cho Y để cùng nộp hồ sơ thi giấy phép lái xe hạng A1 sử dụng. Sau đó Y dùng Facebook tên “H Diệu Y” nhắn tin cho L2 qua Facebook của L2 có tên “Ph L2 nói muốn mua luôn giấy phép để khỏi phải đi thi, chi phí làm hết 2.200.000đ nên L2 đồng ý. Sau khi đặt làm xong Y đến đưa cho L2 01 giấy phép hạng A1 có dán ảnh và thông tin cá nhân của L2 cùng 01 bộ hồ sơ sát hạch, L2 đưa thêm cho Y số tiền 1.400.000 đồng. Đến ngày 09/7/2020, Y đến lấy lại giấy phép lái xe, còn hồ sơ sát hạch thì L2 giữ đến khi Cơ quan điều tra thu giữ. Kết quả giám định giấy phép lái xe của L2 là không phải do cơ quan nhà nước phát hành.

12. Bị cáo Nguyễn Thị B: Do chưa có giấy phép lái xe A1 nên khi thấy Ngô Thị Bích H1 đăng bài trên facebook “H1 Sino” thì B liên hệ để đặt làm cho mình 01 giấy phép lái xe để sử dụng. Sau khi liên lạc, H1 đến gặp B và nói cách thức làm giấy

phép lái xe là không cần phải đi thi, chỉ cần cung cấp thông tin cá nhân và ảnh chân dung cho H1, thì sau khoảng 20 ngày là có giấy phép lái xe, chi phí làm hết 1.800.000đ. Nghe vậy, B đồng ý đặt H1 làm 01 giấy phép lái xe, B đưa chứng M1 nhân dân, hộ khẩu để H1 dùng điện thoại chụp hình lại và đặt cọc trước số tiền 1.000.000đ. Khoảng 15 ngày sau, H1 đến giao cho B 01 giấy phép hạng A1 có dán hình và ghi thông tin cá nhân của B cùng 01 bộ hồ sơ, B nhận và đưa cho H1 số tiền 800.000đ còn lại. B cất hồ sơ và cầm giấy phép lái xe sử dụng cho đến khi bị Cơ quan điều tra thu giữ.

Ngoài ra, B biết em chồng là Nguyễn Thị T2 T6 đang làm C2 nhân tại tỉnh B Dương cũng chưa có giấy phép lái xe nên B nói cho T11 biết việc B đặt H1 làm giấy phép lái xe. Sau đó, T11 đến nhà B chơi và gặp H1 nên T11 đặt H1 làm 01 giấy phép lái xe hạng A1 cho mình để sử dụng. T11 đưa bản photo chứng M1 nhân dân cùng ảnh chân dung và số tiền 1.800.000đ cho B để nhờ B chuyển cho H1. Khoảng 01 tháng sau, B nhận được 01 giấy phép hạng A1 có dán ảnh và ghi thông tin của T11 cùng 01 bộ hồ sơ, B nhận và chuyển lại cho T11 sử dụng. Kết quả giám định giấy phép lái xe của B và T11 là không phải do cơ quan nhà nước phát hành.

13. Bị cáo Ngô Quốc T4: Qua thông tin Tr1 biết được H1 nhận làm giấy phép lái xe các loại nhưng không phải đi thi. Tr1 đã trao đổi với H1 để đặt H1 làm cho mình 01 giấy phép hạng A1 sử dụng, giá 2.200.000đ. Theo yêu cầu của H1, Tr1 đã chụp sổ hộ khẩu, cung cấp bản photocopy chứng M1 nhân dân và ảnh chân dung của Tr1 chuyển cho H1. Tr1 đặt tiền cọc trước cho H1 700.000đ. Đến ngày 27/5/2020, H1 thông báo giấy phép lái xe đã làm xong nên Tr1 đến nhà H1 lấy và trả số tiền 1.500.000đ còn lại. H1 giao cho Tr1 01 giấy phép hạng A1 có dán ảnh và ghi thông tin cá nhân của Tr1 cùng 01 bộ hồ sơ. Tr1 mang giấy phép lái xe về sử dụng, đến ngày 10/7/2020 H1 đề nghị Tr1 giao lại giấy phép lái xe cho H1 nhưng Tr1 không đồng ý (vì H1 chưa trả lại tiền cho Tr1), sau đó Cơ quan điều tra đã thu giữ. Kết quả giám định giấy phép lái xe của Tr1 là không phải do cơ quan nhà nước phát hành.

14. Bị cáo Nguyễn Thị C4: Biết H1 nhận làm giấy phép lái xe nhưng không cần phải đi thi thì C4 liên hệ với H1 để đặt làm cho mình 01 giấy phép lái xe sử dụng. Sau khi liên hệ, H1 đến nhà của C4 để trao đổi cách thức nhận làm, chi phí hết 1.800.000đ. C4 đưa cho H1 bản photo chứng M1 nhân dân và ảnh chân dung của mình cùng 800.000đ tiền đặt cọc. Khoảng 01 tháng sau H1 đến giao cho C4 01 giấy phép lái xe hạng A1 có dán hình và ghi thông tin cá nhân của C4 cùng 01 bộ hồ sơ, C4 đưa thêm cho H1 1.000.000 đồng. Đến tháng 7/2020, H1 yêu cầu C4 đưa giấy phép lái xe và hồ sơ lại cho H1, thì bị thu giữ. Kết quả giám định giấy phép lái xe của C4 là không phải do cơ quan nhà nước phát hành.

15. Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T5: T5 sử dụng Facebook tên “Ngọc T5” liên hệ với H1 qua Facebook “H1 Sino” để đăng ký đi thi giấy phép lái xe. Theo yêu cầu, T5 đến nhà H1 đưa giấy tờ, ảnh và tiền cho H1 để đăng ký. Tại nhà H1, sau khi nghe H1 nói “có đặt làm giấy phép lái xe luôn không, giá 2.200.000 đồng nhưng không phải đi thi mà vẫn có hồ sơ”, thì T5 đã đồng ý đặt H1 làm 01 giấy phép lái xe hạng A1 cho mình sử dụng. T5 đưa chứng M1 nhân dân (photo), ảnh chân dung và số tiền 2.200.000đ cho H1 để đặt làm. Khoảng 20 ngày sau, H1 đưa cho T5 01 giấy phép hạng A1 có dán ảnh và ghi thông tin cá nhân của T5 cùng 01 bộ hồ sơ, T5 nhận về sử

dụng đến khi bị Cơ quan điều tra thu giữ. Kết quả giám định giấy phép lái xe của T5 là không phải do cơ quan nhà nước phát hành,

16. Bị cáo Nguyễn Thị L3: Nguyễn Thị L3 đã có giấy phép lái xe hạng A1 nhưng quá trình sử dụng bị mất. Khi biết H1 làm được giấy phép lái xe có cả hồ sơ nhưng không phải đi thi nên L2 liên hệ để đặt làm. Qua trao đổi, H1 nói cho L2 biết chi phí hết 1.800.000đ, nếu đặt thì cung cấp cho H1 bản photo chứng M1 nhân dân, Sổ hộ khẩu, ảnh chân dung và đặt cọc trước 1.000.000 đồng. L2 đồng ý làm nên hẹn gặp H1 để đưa giấy tờ và tiền đặt cọc, H1 nhờ em gái là Ngô Thị T3 O đến gặp L2 nhận hộ (O không biết việc H1 và L2 làm tài liệu giả). Đến tháng 7/2020, do sự việc đã bị phát hiện nên H1 chưa kịp giao giấy phép lái xe cho L2. Kết quả giám định giấy phép lái xe của L2 là không phải do cơ quan nhà nước phát hành.

17. Bị cáo Nguyễn Thị Hà V: V biết Ngô Thị Bích H1 nhận làm giấy phép lái xe, chi phí 1.800.000 đồng, chỉ cần cung cấp bản photo chứng M1 nhân dân cùng ảnh chân dung và đặt cọc trước 1.000.000 đồng, thì sau 20 ngày sẽ làm xong. Sau đó, V cung cấp thông tin cá nhân của mình để nhờ H1 đặt làm giấy phép hạng A1 cho mình sử dụng. Đến ngày 20/6/2020, H1 đưa cho V 01 giấy phép hạng A1 có hình và ghi thông tin cá nhân của V cùng 01 bộ hồ sơ, V nhận và đưa thêm cho H1 số tiền 800.000 đồng. Kết quả giám định giấy phép lái xe của V là không phải do cơ quan nhà nước phát hành.

18. Bị cáo Nguyễn Thị T2 T6: Khi đang làm C2 nhân tại tỉnh B Dương thì T11 được chị dâu là Nguyễn Thị B thông báo cho biết việc đặt làm giấy phép lái xe có hồ sơ nhưng không phải đi thi. Sau đó, T11 về nhà gặp H1. Tại đây, sau khi trao đổi T11 đồng ý đặt H1 làm 01 giấy phép lái xe hạng A1 với giá 1.800.000 đồng. T11 chuẩn bị giấy tờ, ảnh xong thì đưa lại cho Nguyễn Thị B cùng số tiền 1.800.000 đồng để nhờ B chuyển lại cho H1. Khoảng 01 tháng sau, B báo cho T11 biết đã có giấy phép lái xe, sau đó T11 về nhận giấy phép lái xe cùng hồ sơ để sử dụng. Kết quả giám định giấy phép lái xe của T11 là không phải do cơ quan nhà nước phát hành.

19. Bị cáo H' V: Do có quen biết với H1 trước nên khi thấy bài đăng nhận đặt làm giấy phép lái xe của H1, thì H' V liên hệ với H1 để tìm hiểu, qua trao đổi H1 nói mình nhận làm giấy phép lái xe hạng A1 không cần phải đi thi, chỉ cần cung cấp thông tin cá nhân và đặt cọc tiền để làm. H1 nói H' V tìm người làm, mỗi giấy phép H1 sẽ cho 50.000 đồng đến 100.000 đồng nên H' V đồng ý. Khoảng tháng 5/2020, H' V nói với H' N và H' C (ở cùng bon) là H' V nhận làm giấy phép lái xe có hồ sơ nhưng không cần phải đi thi. Sau đó, H' N và H' C đã chuyển thông tin và số tiền 4.800.000đ cho H' V để làm 02 giấy phép hạng A1 cho H' N và H' T với giá 2.400.000đ. H' V nhận thông tin cá nhân và chuyển số tiền 4.800.000đ cho Ngô Thị Bích H1 để làm, H1 cho H' V 200.000 đồng. Khoảng 20 ngày sau, H1 giao cho H' V 02 giấy phép lái xe hạng A1 ghi tên H' N và H' T cùng 02 bộ hồ sơ, H' V nhận và giao lại cho H' N và H' C. Kết quả giám định giấy phép lái xe của H' N và H' T là không phải do cơ quan nhà nước phát hành.

20. Bị cáo H' N: Do chưa có giấy phép lái xe nên khi nghe H' V nói nhận làm giấy phép lái xe, thì H' N đã đặt H' V làm cho mình giấy phép hạng A1 để sử dụng. H' V dùng điện thoại chụp chứng M1 nhân dân và ảnh chân dung của H' N, rồi H' N

đưa cho H' V tiền đặt cọc 1.000.000 đồng trước. Khoảng 20 ngày sau, H' V đưa cho H' N 01 giấy phép hạng A1 có hình và ghi thông tin cá nhân của H' N cùng 01 bộ hồ sơ, H' N nhận và đưa cho H' V thêm 1.400.000 đồng. Kết quả giám định giấy phép lái xe của H' N là không phải do cơ quan nhà nước phát hành.

21. Bị cáo H' C: Do chưa có giấy phép lái xe A1 nên H' C nói H' T (là em ruột) đi thi lấy bằng lái xe A1 nhưng Ng không đi. Đến tháng 5/2020, H' C nghe thông tin H' V nhận làm giấy phép lái xe có cả hồ sơ, không cần phải thi nên H' C nói cho Ng biết và đặt H' V làm cho Ng bằng lái xe A1 để Ng sử dụng. Ng đưa chứng M1 nhân dân cho H' C, sau khi chụp chứng M1 nhân dân và ảnh của Ng xong, H' C sử dụng Facebook tên "An Khiêm C" gửi qua tin nhắn facebook có tên "Về Ôliu H Ôliu" của H' V, rồi đưa cho H' V số tiền 2.400.000đ. Khoảng 20 ngày sau, H' V nhắn tin báo cho H' C biết, đến nhà nhận 01 giấy phép lái xe hạng A1 có hình và ghi thông tin cá nhân của H' T cùng 01 bộ hồ sơ, H' C nhận nhưng chưa kịp đưa cho Ng thì bị phát hiện thu giữ.

22. Bị cáo H' T: Tháng 5/2020, H' C nói cho Ng biết H' V ở cùng Bon nhận làm giấy phép lái xe, do có nhu cầu sử dụng nên Ng nói H' C đặt H' V làm cho mình giấy phép lái xe sử dụng. Ng đưa chứng M1 nhân dân, ảnh chân dung cho H' C, rồi H' C chuyển cho H' V đặt làm giấy phép lái xe cho Ng. Sau khi đặt làm xong, H' C chụp giấy phép lái xe gửi qua tin nhắn cho Ng xem nhưng chưa đưa cho Ng sử dụng. Kết quả giám định giấy phép lái xe của H' T là không phải do cơ quan nhà nước phát hành. Sau khi khởi tố thấy H' T có dấu hiệu trầm cảm, ít nói nên cơ quan điều tra đã ra Quyết định trưng cầu giám định pháp y tâm thần. Bản kết luận giám định pháp y tâm thần số: 41 ngày 11/3/2021 của Viện pháp y tâm thần khu vực Tây Nguyên kết luận H' T bị rối loạn trầm cảm tái diễn giai đoạn vừa, hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

23. Bị cáo Dương Thị H6 N1: Do biết em gái của mình là Dương Thị Mỹ H2 chưa có giấy phép lái xe nên khi biết Nguyễn Chí T2 nhận làm giấy phép lái xe có hồ sơ nhưng không phải đi thi, thì N1 đã liên lạc với T2 để trao đổi. Sau khi nghe T2 nói chỉ cần cung cấp thông tin cá nhân, ảnh và đặt tiền cọc trước 1.000.000đ là làm được nên N1 nói cho H2 biết để đặt làm. Khoảng tháng 5/2020, N1 sử dụng Facebook "Dương H6 N1" gửi thông tin cá nhân của H2 cho T2 qua tin nhắn facebook "Xuân T2" để đặt làm giấy phép lái xe cho H2, giá thỏa thuận 1.800.000 đồng. N1 đặt cọc cho T2 1.000.000đ, khoảng 20 ngày sau T2 đến giao cho N1 01 giấy phép lái xe có hình và ghi thông tin cá nhân của H2 cùng 01 bộ hồ sơ, N1 đưa thêm cho T2 số tiền 800.000 đồng và nhận giấy phép lái xe đưa cho H2 sử dụng. Kết quả giám định giấy phép lái xe của H2 là không phải do cơ quan nhà nước phát hành.

24. Bị cáo Dương Thị Mỹ H2: Khoảng tháng 5/2020, N1 điện thoại báo cho H2 biết việc T2 nhận làm giấy phép lái xe, có hồ sơ nhưng không phải đi thi, lúc này H2 đang làm C2 nhân tại TP Hà Nội, do chưa có giấy phép lái xe nên H2 gửi thông tin, ảnh của mình về cho N1 để nhờ N1 đặt làm giấy phép hạng A1 cho H2, chi phí làm bằng lái H2 nói N1 cho mượn để đặt T2 làm. Khoảng 01 tháng sau, N1 nhận và gửi giấy phép lái xe cùng hồ sơ cho H2 sử dụng.

25. Bị cáo Nguyễn Văn M: Tháng 5/2020, Ngô Thị Bích H1 giới thiệu với M mình làm tại Tr1 tâm đào tạo và sát hạch lái xe Đại Lợi ở huyện Đăk Mil và đề nghị M làm cộng tác viên của mình, thì M đồng ý. Sau đó, M giới thiệu cho H1 08 người đăng ký hồ sơ thi lái xe tại Tr1 tâm đào tạo và sát hạch lái xe Đại Lợi, đặt cọc trước 8.000.000 đồng nhưng số người này sau đó không đi thi. Cuối tháng 5/2020, M gặp và nghe H1 kể về việc H1 đặt Nguyễn Chí T2 và H Danh T1 làm giấy phép lái xe cho một số người nhưng không cần phải đi thi, rồi M tự ý đề nghị H1 đặt làm giấy phép lái xe cho 08 người mà hồ sơ trước đây M đã đăng ký với H1 gồm: Đỗ Thị Mai A (SN: 1996), Mai Thị Mỹ Th (SN: 1997), Đặng Thị H2 (SN: 1995), Nguyễn Huyền Tr (SN: 1995), Võ Văn D1 (SN: 1982), Phạm Thiên Ph (SN: 1996), H Ngọc Y (SN: 2000), Nguyễn Huỳnh Tr (SN: 1994), đều trú tại huyện Đ, tỉnh Đăk Nông. Đến đầu tháng 6/2020, M đến nhà T2 lấy 08 giấy phép lái xe cùng 08 hồ sơ nêu trên nhưng chưa đưa thêm tiền cho T2 và T1. Sau khi nhận, M để giấy phép lái xe ở nhà, chưa giao cho ai đến khi Cơ quan điều tra thu giữ. Kết quả giám định 08 giấy phép lái xe do M đặt là không phải do cơ quan nhà nước phát hành.

26. Bị cáo Trương M1 T7: Tháng 6/2020, T7 nghe Nguyễn Văn M nói quen H Danh T1 ở huyện Đ nhận làm giấy phép lái xe, có hồ sơ nhưng không phải đi thi. Sau đó, T7 liên lạc với T1 để đặt T1 làm giấy phép hạng A1 với giá 1.800.000 đồng. Qua trao đổi, T1 nói chỉ cần cung cấp thông tin cá nhân và ảnh, thì sau 20 ngày sẽ nhận được giấy phép lái xe. Sau đó, T7 đi cùng em trai là Trương M1 Đ đến nhà T1 để đặt làm giấy phép lái xe. T7 đưa bản photo chứng M1 nhân dân cùng ảnh chân dung cho T1 và đặt cọc 500.000 đồng trước. Đến ngày 07/7/2020, T1 hẹn T7 đến xã Đ, huyện Đ để nhận, khi T1 đang giao 02 giấy phép lái xe hạng A1 ghi tên Trương M1 T7, Trương M1 Đ và nhận tiền từ T7, thì bị C2 an tỉnh Đăk Nông bắt quả tang cùng tang vật. Kết quả giám định giấy phép lái xe của T7 là không phải do cơ quan nhà nước phát hành.

27. Bị cáo Trương M1 Đ: Tháng 6/2020, Đ đi làm cùng T7 tại huyện Đ, T7 rủ Đ đến nhà T1 để T7 đặt làm giấy phép lái xe. Trong lúc T7 trao đổi với T1 về cách thức đặt làm giấy phép lái xe thì Đ nghe được nên Đ cũng đặt T1 làm giấy phép lái xe cho mình sử dụng với giá 1.800.000đ. Đ cung cấp thông tin cá nhân, ảnh chân dung và số tiền 500.000 đồng để đặt cọc cho T1. Đến ngày 07/7/2020, T7 nói Đ đến huyện Đăk Mil để lấy giấy phép lái xe nhưng Đ bận việc nên nhờ bạn là Nguyễn Hữu H, sinh năm: 1999, trú tại: Tổ 1, thị trấn K, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông đi nhận giúp và bị bắt (BL 1417-1418), (Hùng không biết T7 và Đ đặt làm giấy phép lái xe giả). Kết quả giám định giấy phép lái xe của Đ là không phải do cơ quan nhà nước phát hành.

* Tại tỉnh Quảng N: 2 bị cáo

28. Bị cáo Đặng C2 Nhật T8: Đầu tháng 7/2020, T8 thấy Facebook có tên “Nguyễn M1 Q” của Nguyễn Văn Ph đăng bài “Nhận làm các loại giấy phép lái xe không cần phải học và thi, có hồ sơ gốc”, T8 vào xem thì được Ph cho biết nhận làm giấy phép lái xe hạng A2 giá 2.300.000đ, cọc trước 600.000đ; hạng B2 giá 8.200.000đ, cọc trước 2.000.000đ. Sau đó, T8 nói lại cho Đặng Hiếu T9, trú tại Tổ 32, phường Hải Châu 1, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng biết nhưng báo giá làm giấy phép lái xe hạng A2 là 3.500.000đ và giấy phép hạng B2 giá 15.000.000đ để hưởng tiền chênh lệch. Tr1 nghe xong thì đồng ý nhờ T8 đặt làm giấy phép lái xe hạng A2 cho

mình sử dụng; Tr1 chụp chứng M1 nhân dân và ảnh chân dung gửi qua tin nhắn zalo cho T8, đồng thời Tr1 đưa cho T8 số tiền 3.500.000đ. Sau khi nhận, T8 đã chuyển thông tin cá nhân của Tr1 và số tiền 2.300.000đ cho Ph để Ph làm cho Tr1, T8 hưởng lợi số tiền 1.200.000đ. Khoảng 01 tháng sau, T8 nhận được 01 giấy phép lái xe hạng A2 cùng 01 bộ hồ sơ nên giao lại cho Tr1 sử dụng, sau đó bị thu giữ.

29. Bị cáo Đặng Hiếu T9: Khi nghe T8 nói về việc biết nơi nhận làm giấy phép lái xe các loại, có hồ sơ nhưng không cần phải đi thi sát hạch, chỉ cần cung cấp thông tin cá nhân cùng ảnh chân dung và đặt cọc trước thì khoảng 20 ngày sau là có giấy phép. Mặc dù bản thân đã có giấy phép lái xe hạng A1 và B2 nhưng Tr1 vẫn nhờ T8 đặt cho mình 01 giấy phép lái xe hạng A2 để sử dụng. Tr1 đưa chứng M1 nhân dân, ảnh chân dung của Tr1 cho T8 và số tiền 3.500.000đ. Khoảng 01 tháng sau, T8 đến đưa cho Tr1 01 giấy phép lái xe hạng A2 có ảnh và ghi thông tin cá nhân của Tr1 cùng 01 bộ hồ sơ. Tr1 để giấy phép lái xe vào ví để sử dụng, còn hồ sơ cất vào tủ và bị thất lạc mất. Kết quả giám định giấy phép lái xe của Tr1 là không phải do cơ quan nhà nước phát hành.

* Tại T8 phố Đà Nẵng: 2 bị cáo

30. Bị cáo Nguyễn T8 L1: Tháng 6/2020, Nguyễn T8 L1 sử dụng Facebook tên “L1 Nhất” thấy bài đăng nhận làm giấy phép lái xe của Nguyễn Văn Ph. Theo hướng dẫn của Ph, L1 dùng zalo tên “Út Nhất” trao đổi với Ph qua zalo “Nguyễn M1 Q” để đặt làm giấy phép lái xe giả. Ph nói với L1 là Ph nhận làm giấy phép lái xe hạng A1 giá 1.400.000 đồng, đặt cọc trước 400.000đ. Sau đó, L1 nói lại cho Lương Nhật M là bạn của mình biết nên M đã nhờ L1 đặt làm giấy phép lái xe hạng A1 để sử dụng. M chụp hình chân dung và gửi thông tin cá nhân của mình theo tin nhắn Facebook “Lương Nhật M” cho L1 qua facebook “L1 Nhất”. Vì L1 cũng chưa có giấy phép lái xe nên L1 lấy thông tin của mình chuyển luôn cho Ph để đặt làm giấy phép lái xe về sử dụng. L1 chuyển thông tin và tiền cọc 800.000đ trước cho Ph để đặt làm 02 giấy phép lái xe hạng A1 cho L1 và M. Khoảng 20 ngày sau, Ph chụp hình giấy phép lái xe gửi qua tin nhắn cho L1 xem, rồi Ph nói giấy phép lái xe mới được tích hợp mã QR nên yêu cầu L1 trả thêm 200.000đ nên Nguyễn T8 L1 đồng ý. Khoảng 01 tháng sau, L1 nhận được 02 giấy phép lái xe hạng A1 ghi tên Nguyễn T8 L1 và Lương Nhật M cùng 02 bộ hồ sơ. L1 trả thêm cho Ph 2.400.000 đồng và nhận giấy phép lái xe giao lại cho M (M đưa cho L1 số tiền 1.600.000đ). Vì thấy trong hồ sơ không ghi thông tin của người thi nên L1 chỉ giao giấy phép lái xe cho M, còn hồ sơ thì L1 vứt bỏ. Kết quả giám định giấy phép lái xe của L1 là không phải do cơ quan nhà nước phát hành.

Ngoài ra, L1 còn đặt Ph làm giấy phép lái xe hạng A1 cho Nguyễn Văn Kha2, sinh năm: 1997, trú tại phường Khuê Tr1, quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng. Tuy nhiên, quá trình điều tra, Cơ quan điều tra không thu giữ được giấy phép lái xe của Kha2 nên không đủ căn cứ để xử lý.

31. Bị cáo Lương Nhật M: Tháng 6/2020, M nghe L1 nói biết chỗ đặt làm giấy phép lái xe không phải đi thi. Vì M đang có ý định thi lấy bằng nhưng sợ thi không đậu nên M nhờ L1 đặt làm cho mình giấy phép lái xe A1 sử dụng. M chụp ảnh chân dung cùng chứng M1 nhân dân gửi qua tin nhắn Facebook “L1 Nhất” cho L1 để L1 đặt làm, chi phí hết 1.600.000đ. Khoảng 01 tháng sau, L1 gọi M đến gặp và đưa cho

M 01 giấy phép lái xe hạng A1, M trả cho L1 1.600.000 đồng và nhận giấy phép lái xe về sử dụng, sau đó bị phát hiện thu giữ. Kết quả giám định giấy phép lái xe của M là không phải do cơ quan nhà nước phát hành.

* Tại T8 phố Hải Phòng: 5 bị cáo

32. Bị cáo Nguyễn Anh S: Tháng 01/2020, S thấy Tr Facebook “Nguyễn H” của Nguyễn T8 L5 đăng giới thiệu nhận làm giấy phép lái xe các loại nên vào xem và đặt L5 làm cho mình 01 giấy phép lái xe hạng C sử dụng với giá 11.000.000 đồng. Sau khi trao đổi, nghe L5 nói làm được giấy phép lái xe các loại, có hồ sơ nhưng không phải đi thi nên S đồng ý đặt L5 làm. S sử dụng Tr Faceook của mình tên “Đất Càng” chuyển thông tin cá nhân qua tin nhắn cho L5 và chuyển tiền đặt cọc 3.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng mang tên Trần Văn T cho L5. Sau khi làm xong L5 chuyển cho S 01 giấy phép lái xe hạng C và 01 bộ hồ sơ, S trả thêm cho L5 số tiền 8.000.000 đồng. Rồi S viết địa danh, ngày tháng năm và ký, viết họ tên vào biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe, đồng thời viết thời gian vào Giấy khám sức khỏe vì thấy những mục này đang để trống.

Sau đó, thấy việc đặt làm giấy phép lái xe đơn giản nên S thống nhất với L5 để nhận làm cho nhiều người khác nhằm hưởng lợi. Theo thỏa thuận, L5 đồng ý làm cho S giấy phép lái xe hạng A1 giá 1.300.000đ, hạng B1 giá 7.000.000đ và hạng B2 giá 8.000.000đ, rồi S thỏa thuận lại với ai có nhu cầu làm giá hạng A1: 1.300.000đ, hạng B1: 12.000.000đ và hạng B2: 16.000.000đ để hưởng chênh lệch. S biết Đặng T7 T3 và H Xuân H3 đang có ý định muốn làm giấy phép lái xe để sử dụng nên S nói với T3 và H3 rằng S có người quen làm được giấy phép lái xe các loại, không phải đi thi nhưng có hồ sơ. T3 nhờ S đặt làm 01 giấy phép lái xe hạng A1 cho T3; H3 nhờ S đặt làm 01 giấy phép lái xe hạng B2 cho H3 sử dụng, S nhận của T3 và H3 11.300.000đ, chuyển cho L5 9.300.000 đồng, hưởng lợi 2.000.000 đồng.

Đến tháng 02/2020, S tiếp tục nhận của Đặng T7 T3 số tiền 76.000.000 đồng để làm 04 giấy phép hạng B2 và 01 giấy phép hạng B1, S chuyển cho L5 số tiền 39.000.000 đồng, hưởng lợi 37.000.000 đồng. Tổng cộng Nguyễn Anh S nhận của H3 10.000.000 đồng và nhận của T3 77.300.000 đồng để làm 07 giấy phép lái xe các loại.

Khoảng tháng 7/2020, S tra cứu trên cổng thông tin điện tử của Bộ giao thông vận tải nhưng không thấy thông tin về giấy phép lái xe mà S đã đặt L5 làm, S liên lạc lại với L5 nhưng không được (vì lúc này L5 đã bị bắt), S sợ bị phát hiện nên trả lại cho T3 số tiền 77.300.000 đồng và lấy lại 06 giấy phép lái xe cùng hồ sơ đã nhận làm cho T3. Riêng giấy phép lái xe của H3 thì S chưa trả tiền cho H3 để lấy lại hồ sơ và giấy phép lái xe.

Tổng cộng Nguyễn Anh S đã nhận số tiền 87.300.000 đồng, đặt làm giả 14 tài liệu gồm: 08 giấy phép lái xe các loại và 05 biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe; 01 Giấy khám sức khỏe. S đã chuyển cho L5 số tiền 59.300.000 đồng và trả lại cho T3 77.300.000 đồng, Nguyễn Anh S chưa thu lợi. Kết quả giám định các giấy phép lái xe, biên bản sát hạch và giấy khám sức khỏe đã thu giữ không phải do cơ quan nhà nước phát hành.

33. Bị cáo H Xuân H3: Khi biết S nói nhận làm giấy phép lái xe thì H3 gặp S đề nhờ đặt làm. S nói với H3 có người quen làm được giấy phép lái xe các loại, không phải đi thi, có hồ sơ, chi phí làm bằng hạng B2 là 10.000.000 đồng. H3 sử dụng Facebook tên “H H3” chuyển thông tin cá nhân qua tin nhắn Facebook “Đất Cảng”, đặt cọc cho S 5.000.000 đồng. Khoảng 20 ngày sau, S đưa cho H3 01 giấy phép lái xe hạng B2 và 01 bộ hồ sơ, H3 nhận và đưa cho S 5.000.000đ còn lại. Sau đó, H3 ký và viết tên của H3 vào hồ sơ biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe ô tô. Kết quả giám định giấy phép lái xe của H3 và biên bản tổng hợp kết quả sát hạch là không phải do cơ quan nhà nước phát hành.

34. Bị cáo Đặng T7 T3: Tháng 02/2020, T3 biết S nhận làm giấy phép lái xe các loại, T3 gặp S trao đổi và được S giới thiệu làm giấy phép lái xe hạng A1 giá 1.300.000đ, hạng B1 giá 12.000.000đ và hạng B2 giá 16.000.000đ. Sau đó, T3 dùng Facebook có tên “T3 Con” chuyển thông tin cá nhân của mình qua tin nhắn Facebook “Đất Cảng” để nhờ S đặt làm 01 giấy phép lái xe hạng A1 cho T3. Khoảng 20 ngày sau, S giao 01 giấy phép lái xe ghi tên Đặng T7 T3 cùng 01 bộ hồ sơ, T3 trả cho S 1.300.000 đồng và nhận tài liệu về sử dụng. T3 thấy phần nội dung trong biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe để trống nên viết và tự ký tên mình vào, sau khi phát hiện bị thu giữ. Kết quả giám định giấy phép lái xe của T3 và biên bản tổng hợp kết quả sát hạch là không phải do cơ quan nhà nước phát hành.

Sau đó, T3 đăng lên Tr Facebook “T3 Con” của mình nội dung “nhận làm bằng xe máy A1, ô tô B1, B2 uy tín, có hồ sơ” để tìm người đặt làm nhằm hưởng chênh lệch, T3 báo giá chi phí làm giấy phép lái xe hạng B1 là 13.500.000 đồng và hạng B2 là 17.500.000 đồng. Thời điểm này Nguyễn Hải N dùng facebook “Nguyễn Hải N” liên hệ với T3 để nhờ T3 đặt làm giấy phép lái xe. Sau khi trao đổi, N đồng ý nhờ T3 đặt làm giấy phép lái xe nên đưa ảnh và chuyển thông tin cá nhân qua tin nhắn để làm 03 giấy phép lái xe hạng B2. T3 chuyển thông tin cá nhân của 03 người cần làm cho S và đặt cọc trước 18.000.000 đồng. Khoảng hơn 01 tháng sau, S đến giao cho T3 03 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Hải N, Đặng Hà H và Trần Đức M cùng 03 bộ hồ sơ, T3 nhận và trả thêm cho S số tiền 30.000.000 đồng. Sau đó, T3 chuyển 03 giấy phép lái xe cùng hồ sơ cho Nguyễn Hải N và lấy thêm số tiền 28.500.000 đồng. Tổng cộng Đặng T7 T3 nhận của Nguyễn Hải N số tiền 52.500.000 đồng để làm 03 giấy phép lái xe, T3 chuyển cho S 48.000.000 đồng, hưởng lợi 4.500.000 đồng.

Đặng T7 T3 tiếp tục nhận làm cho Bùi Văn V, SN: 1994, trú tại 41 V, Phường T, Q. H, TP. Hải Phòng 01 giấy phép lái xe hạng B2 với giá 17.500.000 đồng và Vũ Thị Vân A 01 giấy phép lái xe hạng B1 với giá 13.500.000 đồng. T3 chuyển cho S số tiền 28.000.000 đồng để đặt làm 02 giấy phép lái xe cho Vũ Thị Vân A và Bùi Văn V, hưởng lợi 3.000.000 đồng.

Đến tháng 7/2020, Nguyễn Anh S nói với Đặng T7 T3 là các giấy phép lái xe đã làm chưa được cập nhật lên hệ thống (thực tế lúc này đã bị phát hiện) nên S đề nghị T3 đưa lại toàn bộ giấy phép lái xe và hồ sơ mà S đã làm và nhận lại tiền. T3 thu hồi 06 giấy phép lái xe cùng hồ sơ giao lại cho S và nhận lại số tiền 77.300.000 đồng. T3 trả tiền lại cho Nguyễn Hải N, Bùi Văn V và Vũ Thị Vân A. Kết quả giám định 06 giấy phép lái xe và 03 biên bản tổng hợp kết quả sát hạch là không phải do cơ quan

nhà nước phát hành. Hiện nay, Bùi Văn Vinh đã bỏ đi khỏi địa Ph nên chưa làm việc được.

Tổng cộng Đặng T7 T3 đã đặt làm giả 09 tài liệu gồm: 06 giấy phép lái xe các loại và 03 biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe.

35. Bị cáo Vũ Thị Vân A: Do có nhu cầu đặt làm giấy phép lái xe để sử dụng nên Vân A liên hệ với Đặng T7 T3 qua Tr facebook “T3 Con”. Sau khi nghe T3 nói về việc nhận làm giấy phép lái xe, Vân A đồng ý nhờ T3 đặt làm giấy phép lái xe hạng B1 sử dụng. Vân A đặt cọc cho T3 3.000.000 đồng và chuyển thông tin cá nhân của mình qua tin nhắn cho T3. Khoảng 10 ngày sau, T3 giao cho Vân A 01 giấy phép lái xe hạng B1 ghi tên Vũ Thị Vân A và 01 bộ hồ sơ sát hạch có dán ảnh của Vân A nhưng phần thông tin để trống. Vân A nhận và trả thêm cho T3 số tiền 10.500.000 đồng, sau đó, Vân A thấy phần nội dung trong biên bản tổng hợp kết quả sát hạch để trống nên ký và viết tên của Vũ Thị Vân A vào. Đến tháng 7/2020, T3 nói với Vân A giấy phép lái xe không được cập nhật lên hệ thống và đề nghị Vân A trả lại. Vân A đưa lại giấy phép lái xe và toàn bộ hồ sơ cho T3 và nhận lại 13.500.000 đồng. Kết quả giám định giấy phép lái xe của Vân A và biên bản tổng hợp kết quả sát hạch là không phải do cơ quan nhà nước phát hành.

36. Bị cáo Nguyễn Hải N: Thấy Tr Facebook “T3 Con” của T3 đăng bài nhận làm giấy phép lái xe nên N liên hệ với T3 để nhờ đặt làm. Sau khi trao đổi, T3 nói quen người làm được giấy phép lái xe, rồi N nói lại cho Đặng Hà H, sinh năm 1990, trú tại 75/29 H, P. A, Quận L, TP. Hải Phòng và Trần Đức M, sinh năm 1996, trú tại Đ, P. Đ, Quận N, TP. Hải Phòng biết. H và M nhờ N đặt làm 02 giấy phép lái xe hạng B2. N chụp hình chứng M1 nhân dân và ảnh chân dung của H, M và của N gửi qua tin nhắn facebook “T3 Con”, đặt cọc cho T3 số tiền 24.000.000 đồng để làm 03 giấy phép lái xe hạng B2 cho N, H và M. Khoảng 01 tháng sau, T3 giao cho Nguyễn Hải N 03 giấy phép lái xe hạng B2 ghi tên Đặng Hà H, Trần Đức M và Nguyễn Hải N cùng 03 bộ hồ sơ, N nhận và trả cho T3 số tiền 28.500.000 đồng. Thấy hồ sơ chưa ký nên Nguyễn Hải N viết và ký tên vào phần nội dung trong biên bản tổng hợp kết quả sát hạch. Sau đó, N giao giấy phép lái xe và hồ sơ lại cho Đặng Hà H và Trần Đức M sử dụng. Đến tháng 7/2020, T3 nói với N giấy phép lái xe đặt làm không được cập nhật lên hệ thống và đề nghị N trả lại. Sau đó, N lấy giấy phép lái xe và hồ sơ của N, H, M trả lại cho T3 và nhận lại số tiền 52.500.000 đồng. N trả lại số tiền 35.000.000 đồng cho H và M. Kết quả giám định giấy phép lái xe của N, H, M và biên bản tổng hợp kết quả sát hạch của N là không phải do cơ quan nhà nước phát hành. Hiện nay, Trần Đức M đã bỏ đi khỏi địa Ph nên chưa làm việc được.

Tổng cộng Nguyễn Hải N đã đặt làm giả 04 tài liệu gồm: 03 giấy phép lái xe hạng B2 và 01 biên bản tổng hợp kết quả sát hạch.

* Tại tỉnh N Định: 11 bị cáo

37. Bị cáo Phạm Văn H4: Tháng 4/2020 H4 sử dụng facebook của mình có tên “Phạm H4” để tìm đặt làm giấy phép lái xe cho bạn gái là Trần Thị M1 T12, sinh năm: 1994, trú tại tổ dân phố P, phường M, TP. N Định, tỉnh N Định. H4 thấy Tr Facebook “Nguyễn H” của Nguyễn T8 L5 đăng bài nên liên hệ để đặt làm. H4 sử dụng zalo “C2 H4” trao đổi với L5 và tự lấy thông tin cá nhân của Trần Thị M1 T12,

đồng thời chuyển 300.000 đồng đặt cọc vào tài khoản Ngân hàng mang tên Trần Văn T cho L5. Khoảng 20 ngày sau, H4 nhận được 01 giấy phép lái xe có hình và ghi thông tin cá nhân của Trần Thị M1 T12 cùng 01 bộ hồ sơ (BL 1939, 1940, 1951-1952), H4 nhận và giao cho Thúy sử dụng. Sau đó, H4 nói với một số người rằng mình biết nơi đặt làm giấy phép lái xe, có hồ sơ, không phải đi thi nên nhiều người đã nhờ H4 làm giúp. H4 nhận làm giấy phép lái xe hạng A1 cho nhiều người giá 1.300.000 đồng, cụ thể: . Tháng 6/2020, H4 nhận của Đỗ Văn D số tiền 1.300.000 đồng để làm 01 giấy phép lái xe hạng A1 cho Phạm Thị K1. Sau đó, H4 tiếp tục nhận của Đỗ Văn G, Đỗ Thị Y và Nguyễn Thị H5 số tiền 3.900.000 đồng để làm 03 giấy phép lái xe hạng A1. Quá trình điều tra, Cơ quan C5 sát điều tra chưa T hành làm việc được với G và Y, trú tại Thôn Đ, xã N T, huyện N Trục, tỉnh N Định (đã đi khỏi nơi cư trú) (BL 2700, 2701). Vì vậy chưa đủ căn cứ để xử lý đối với G và Y. Kết quả giám định 05 giấy phép lái xe; 02 biên bản tổng hợp kết quả sát hạch; 02 giấy khám sức khỏe là không phải do cơ quan nhà nước phát hành.

Tổng cộng Phạm Văn H4 đã đặt làm giả 09 tài liệu gồm: 05 giấy phép lái xe hạng A1; 02 Biên bản tổng hợp kết quả sát hạch và 02 Giấy khám sức khỏe. H4 đã nhận số tiền 5.200.000 đồng và chuyển cho L5 số tiền 6.500.000 đồng, chưa hưởng lợi.

38. Bị cáo Đỗ Văn D: Tháng 4/2020, D biết H4 nhận làm giấy phép lái xe nên hỏi về cách thức nhờ đặt làm giấy phép lái xe. Sau khi trao đổi, D gặp Phạm Thị K1 là người chưa có giấy phép lái xe, D nói với K biết nơi đặt làm giấy phép lái xe, chỉ cần cung cấp thông tin cá nhân và ảnh chân dung, thì sau 10 ngày là làm xong. K nhờ D đặt làm cho mình 01 giấy phép lái xe hạng A1 để sử dụng. K đưa cho D 2.000.000đ, sau đó D chuyển thông tin và số tiền 1.300.000 đồng để nhờ H4 đặt làm giấy phép lái xe cho K, D hưởng lợi 700.000đ. Khoảng 20 ngày sau, H4 làm xong 01 giấy phép lái xe ghi thông tin cá nhân của K, D nhận và giao lại cho K sử dụng.

Thấy việc đặt làm giấy phép lái xe đơn giản lại có tiền nên D đã tự kết nối với Nguyễn T8 L5 qua Tr facebook “Nguyễn H” và zalo “Bằng B” để đặt làm giấy phép lái xe. D nhận làm giấy phép hạng A1 giá 2.000.000 đồng, rồi đặt lại cho L5 làm với giá 1.300.000 đồng để hưởng chênh lệch. D yêu cầu ai cần làm đặt cọc 300.000 đồng bằng cách đưa trực tiếp hoặc chuyển vào tài khoản số 172928935 tại Ngân hàng VPBank chi nhA2 TP N Định cho D, cụ thể: .

Tháng 5/2020, D nhận của Phạm Văn K số tiền 16.000.000 đồng để làm 08 giấy phép lái xe hạng A1. D chuyển cho L5 10.400.000 đồng, hưởng lợi 5.600.000đ.

Tháng 6/2020, D tiếp tục nhận làm cho Đỗ Văn T10 01 giấy phép lái xe hạng A1 giá 2.000.000 đồng, D chuyển thông tin và số tiền 1.300.000 đồng cho L5, hưởng lợi số tiền 700.000đ.

Ngoài ra, D còn đặt H4 làm giả giấy phép lái xe cho Nguyễn Xuân Kh và Nguyễn Thị Ng đều trú tại xóm 5, xã H, huyện H, tỉnh N Định. Tuy nhiên quá trình điều tra không thu được tài liệu và chưa làm việc được với Ng và Kh nên không đủ căn cứ xử lý.

Tổng cộng Đỗ Văn D đã đặt làm giả 12 tài liệu gồm: 10 giấy phép lái xe; 01 biên bản tổng hợp kết quả sát hạch và 01 Giấy khám sức khỏe. Đã nhận 20.000.000đ và chuyển cho L5 13.000.000đ, thu lợi bất chính số tiền 7.000.000đ.

39. Bị cáo Phạm Văn K: K nghe chị gái là Phạm Thị K1 nhờ Đỗ Văn D làm giấy phép lái xe hạng A1 để sử dụng, có hồ sơ sát hạch nhưng không phải đi thi. Sau đó, K đã liên hệ nhờ D đặt làm giấy phép lái xe hạng A1 cho vợ là Nguyễn Thị L4, sinh năm: 1998, trú tại Xóm 11, xã H, huyện H, tỉnh N Định. D nói K cung cấp thông tin, ảnh chân dung của L4 và chuyển 2.000.000 đồng vào tài khoản số 172928935 cho D (K tự đặt D làm giấy phép lái xe nhưng không nói cho L4 biết). Khoảng 10 ngày sau, D đến giao cho K 01 giấy phép lái xe cùng 01 bộ hồ sơ có ghi tên Nguyễn Thị L4 (BL 2160-2161), rồi D nói K tìm người làm giấy phép lái xe giới thiệu cho D để hưởng tiền H5 hồng, thì K đồng ý.

Khoảng tháng 6/2020, khi làm cùng với Nguyễn Văn C1 và Vũ Chí C2, thì K nói cho C1 và C2 biết việc nhờ người đặt làm giấy phép lái xe. Sau đó, C1 đã nhờ K đặt làm 03 giấy phép lái xe hạng A1 cho Nguyễn Văn C1, Vũ Thị Thu H và Nguyễn Thị H6. C2 nhờ K đặt làm 04 giấy phép lái xe A1 cho Vũ Lệ X, Nguyễn Thị H7, Trần Thị L và Trần Văn H. K nhận thông tin cá nhân và ảnh, rồi chuyển qua tin nhắn facebook “Sĩ D” cho Đỗ Văn D, còn tiền thì K yêu cầu người đặt chuyển vào số tài khoản 172928935 của D. Sau khi làm xong giấy phép lái xe, thì D đưa đến nơi làm của K và trực tiếp giao cho C1 và C2, K không hưởng lợi từ việc nhận làm giấy phép lái xe. Kết quả giám định các giấy phép lái xe là không phải do cơ quan nhà nước phát hành.

Tổng cộng Phạm Văn K đã đặt làm giả 08 tài liệu là các giấy phép lái xe ghi tên Nguyễn Thị L4, Nguyễn Văn C1, Vũ Thị Thu H, Nguyễn Thị H6, Vũ Lệ X, Nguyễn Thị H7, Trần Thị L và Trần Văn H.

40. Bị cáo Nguyễn Văn C1: C1 làm việc cùng với K nên nghe K nói D làm được giấy phép lái xe nhưng không cần phải đi thi. Do C1 và vợ là Vũ Thị Thu H, sinh năm 2000, trú tại xóm 8, xã H, huyện H, tỉnh N Định đều chưa có giấy phép lái xe để sử dụng nên C1 nhờ K đặt làm giấy phép lái xe hạng A1 cho mình và vợ sử dụng. C1 tự lấy thông tin cá nhân của C1 và H, rồi chuyển cho K để nhờ đặt làm mà không nói cho vợ biết, C1 chuyển vào tài khoản của D 4.000.000 đồng để đặt làm. Khoảng 20 ngày sau, D giao cho C1 02 giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Nguyễn Văn C1 và Vũ Thị Thu H và cùng 02 bộ hồ sơ, sau khi phát hiện bị thu giữ.

Ngoài ra, khoảng tháng 6/2020, C1 còn nhận làm cho Nguyễn Thị H6 01 giấy phép lái xe hạng A1 với giá 2.000.000 đồng. C1 nhận thông tin cá nhân, ảnh và số tiền 2.000.000 đồng của H6 rồi chuyển lại cho K làm. Kết quả giám định giấy phép lái xe của C1, H và H6 là không phải do cơ quan nhà nước phát hành.

Tổng cộng Nguyễn Văn C1 đã đặt làm giả 03 tài liệu là giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Văn C1, Vũ Thị Thu H và Nguyễn Thị H6.

41. Bị cáo Nguyễn Thị H6: Do quan hệ thân quen nên H6 biết C1 nhờ người làm được giấy phép lái xe, không phải đi thi. H6 cung cấp thông tin cá nhân, ảnh chân dung và 2.000.000đ nhờ C1 đặt làm cho mình giấy phép lái xe hạng A1 để sử dụng. Khoảng 20 ngày sau, C1 giao cho H6 01 giấy phép lái xe và 01 bộ hồ sơ, kiểm tra

thấy giấy phép có dán ảnh và ghi thông tin cá nhân của mình nên H6 nhận để sử dụng. Kết quả giám định giấy phép lái xe của H6 là không phải do cơ quan nhà nước phát hành.

42. Bị cáo Võ Chí C2: C2 và K làm C2 nhân tại Gara ô tô Đại T8 ở thị trấn Y, huyện H, tỉnh N Định. C2 biết K nhờ người làm được giấy phép lái xe nên C2 đã tự ý lấy và cung cấp thông tin cá nhân, ảnh của chị Vũ Lệ X (chị gái C2), sinh năm: 1985, trú tại xóm 11, xã G, huyện G, tỉnh N Định nhờ K đặt làm cho X giấy phép lái xe để sử dụng (BL 2311, 2315). Khoảng 20 ngày sau, D đến giao cho C2 01 giấy phép lái xe có hình và ghi tên Vũ Lệ X cùng 01 bộ hồ sơ sát hạch.

Sau đó, Trần Thị L và Nguyễn Thị H7 biết và đến gặp nhờ C2 đặt làm 03 giấy phép lái xe cho Trần Thị L, Trần Văn H8 và Nguyễn Thị H7 nên C2 đồng ý. C2 nhận của L4 4.000.000 đồng và nhận của H7 2.000.000 đồng để làm 03 giấy phép lái xe A1. Theo yêu cầu của K, C2 chuyển thông tin cá nhân cho K và chuyển số tiền 6.000.000 đồng vào tài khoản của D để đặt làm. Khoảng 01 tháng sau, D đến giao cho C2 03 giấy phép lái xe hạng A1 ghi tên Trần Thị L, Trần Văn H8 và Nguyễn Thị H7 cùng 03 bộ hồ sơ sát hạch lái xe, C2 nhận và giao lại cho L4 và Hải. Kết quả giám định giấy phép lái xe của Xuân, L4, H8 và H9 là không phải do cơ quan nhà nước phát hành.

Tổng cộng Võ Chí C2 đã đặt làm giả 04 tài liệu là 04 giấy phép lái xe mang tên Vũ Lệ X, Trần Thị L, Trần Văn H8 và Nguyễn Thị H7. Ngày 25/10/2020 C2 ra đầu thú khai nhận nội dung sự việc.

43. Bị cáo Nguyễn Thị H7: Do chưa có giấy phép lái xe và biết Vũ Chí C2 nhờ người làm được giấy phép lái xe không cần phải đi thi nên H9 nhờ C2 đặt làm giấy phép lái xe hạng A1 cho mình sử dụng. Hải phôtô chứng M1 nhân dân và chụp ảnh chân dung giao cho C2 để đặt làm. Khoảng 20 ngày sau, C2 giao cho H9 01 giấy phép lái xe hạng A1 có ảnh và ghi thông tin cá nhân của mình cùng 01 bộ hồ sơ sát hạch, H9 nhận giấy phép về sử dụng và đưa cho C2 2.000.000 đồng, sau đó bị thu giữ. Kết quả giám định giấy phép lái xe của H9 là không phải do cơ quan nhà nước phát hành.

44. Bị cáo Trần Thị L: L4 là hàng xóm với C2 nên biết C2 nhờ người làm được giấy phép lái xe. L4 trao đổi nhờ C2 đặt làm giấy phép lái xe cho mình và cho em của L4 là Trần Văn H8, sinh năm 1998, trú tại Xóm T, xã G, huyện G, tỉnh N Định sử dụng. L4 lấy thông tin cá nhân, 4.000.000đ cùng ảnh của L4 và Trần Văn H8 (H6 tự lấy) giao cho C2 để đặt làm 02 giấy phép lái xe hạng A1 (BL 2362, 2369-2370). Khoảng 01 tháng sau, C2 giao cho L4 02 giấy phép lái xe A1 có ảnh và ghi thông tin cá nhân của Trần Thị L và Trần Văn H8 cùng 02 bộ hồ sơ sát hạch, khi đang sử dụng thì bị thu giữ. Kết quả giám định giấy phép lái xe của L4 và H8 là không phải do cơ quan nhà nước phát hành.

Tổng cộng Trần Thị L đã đặt làm giả 02 tài liệu là giấy phép lái xe mang tên Trần Thị L và Trần Văn H8.

45. Bị cáo Phạm Thị K1: Vì có mối quan hệ gia đình nên K1 biết D nhờ người làm được giấy phép lái xe, không cần phải đi thi, do chưa có giấy phép lái xe sử dụng nên K1 nhờ D đặt làm. K chụp ảnh chân dung cùng căn cước C2 dân, rồi chuyển vào tin nhắn cho D. Khoảng 10 ngày sau, D đến giao cho K 01 giấy phép lái xe hạng A1

mang tên Phạm Thị K1 cùng 01 bộ hồ sơ, K nhận và trả cho D 2.000.000 đồng, thấy phần thông tin trong hồ sơ để trống nên K ghi thông tin cá nhân của mình vào biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe và Giấy khám sức khỏe. Kết quả giám định giấy phép lái xe của K1 và biên bản tổng hợp kết quả sát hạch và giấy khám sức khỏe là không phải do cơ quan nhà nước phát hành.

Tổng cộng Phạm Thị K1 đã làm giả 03 tài liệu gồm giấy phép lái xe, biên bản tổng hợp kết quả sát hạch và Giấy khám sức khỏe của người lái xe.

46. Bị cáo Đỗ Văn T10: T10 là chú ruột của D nên biết D nhờ người làm được giấy phép lái xe, do chưa có giấy phép lái xe A1 nên T10 nhờ D đặt làm cho mình giấy phép lái xe để sử dụng. D chụp chứng M1 nhân dân và ảnh chân dung của T10 để làm. Khoảng 10 ngày sau, D đưa 01 giấy phép lái xe hạng A1 có ảnh và thông tin cá nhân của T10 cùng 01 hồ sơ đến giao, T10 nhận và đưa cho D 2.000.000 đồng, sau đó bị thu giữ. Kết quả giám định giấy phép lái xe của T10 là không phải do cơ quan nhà nước phát hành.

47. Bị cáo Nguyễn Thị H5: Do có mối quan hệ quen biết nên H5 nói với Phạm Văn H4 muốn đi thi lấy giấy phép lái xe sử dụng tham gia giao thông, H4 nói để nhờ người đặt làm cho H5, không phải đi thi, chi phí hết 1.300.000 đồng nên H5 đồng ý. H4 chụp ảnh chân dung và chứng M1 nhân dân của H5 để làm. Khoảng 20 ngày sau, H4 đưa 01 giấy phép lái xe hạng A có ảnh và thông tin cá nhân của H5 cùng 01 bộ hồ sơ. H5 nhận và thấy thông tin trong biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe và Giấy khám sức khỏe của người lái xe để trống chưa ghi nên viết và điền thông tin cá nhân của mình vào hồ sơ. Khi đang sử dụng thì bị thu giữ, kết quả giám định giấy phép lái xe của H5 và biên bản sát hạch và Giấy khám sức khỏe là không phải do cơ quan nhà nước phát hành.

Tổng cộng, Nguyễn Thị H5 đã làm giả 03 tài liệu gồm 01 giấy phép lái xe; 01 biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe và 01 Giấy khám sức khỏe.

* Tại tỉnh Ninh Thuận: 5 bị cáo

48. Bị cáo Nguyễn T8 Đ1: Đ8 sử dụng Facebook tên “T8 Đ8” và thấy Tr Facebook của Nguyễn Văn Ph đăng giới thiệu nhận làm giấy phép lái xe các loại, do Đ8 là giáo viên dạy lái xe Trường dạy nghề của tỉnh Ninh Thuận nên Đ8 biết nhiều người có nhu cầu đặt giấy phép lái xe để sử dụng. Đ8 liên lạc với Ph để nhận làm giấy phép lái xe hưởng chênh lệch, Đ8 giới thiệu với người cần làm giấy phép lái xe hạng A1 giá 1.500.000đ, đặt trước 300.000 đồng, rồi chuyển cho Ph làm giá 1.100.000 đồng để hưởng 400.000 đồng, cụ thể:

Tháng 7/2020, Nguyễn T8 Đ1 đã nhận thông tin cá nhân, ảnh và tiền của Trần Văn C5, Trần Văn M1, Lê Thị Thu H8 và Trần Nguyễn Bích T11 để nhờ Ph đặt làm 04 giấy phép lái xe hạng A1, Đ8 chuyển cho Ph 4.400.000 đồng, hưởng lợi 1.540.000 đồng, trả cước phí bưu điện 60.000đ. Sau khi làm xong Ph chuyển cho Đ8 để Đ8 chuyển lại cho C5, M1, H6 và T11 sử dụng đến khi bị phát hiện và thu giữ. Kết quả giám định 04 giấy phép lái xe của C5, M1, H6 và T11 là không phải do cơ quan nhà nước phát hành.

Tổng cộng Nguyễn T8 Đ1 đã nhận làm giá 04 tài liệu là 04 giấy phép lái xe ghi tên Trần Văn C5, Trần Văn M1, Lê Thị Thu H8 và Trần Nguyễn Bích T11, thu lợi bất chính số tiền 1.540.000 đồng.

49. Bị cáo Trần Văn C5: C5 thi sát hạch lái xe hạng A1 03 lần nhưng không Đ, qua đó C5 quen với Nguyễn T8 Đ1 làm ở Trường nghề dạy lái xe. Tháng 7/2020, C5 nhờ Đ8 đặt làm giấy phép lái xe về sử dụng. C5 cung cấp thông tin cá nhân cùng ảnh của mình và 1.500.000đ gửi cho Đ8 để Đ8 chuyển tiếp cho Nguyễn Văn Ph làm. Khoảng 15 ngày sau, Ph gửi cho Đ8 01 giấy phép lái xe hạng A1 có ảnh và ghi thông tin cá nhân của C5 cùng 01 bộ hồ sơ sát hạch, Đ8 nhận và chuyển lại cho C5 sử dụng, đến ngày 10/9/2020, Cơ quan điều tra đã thu giữ. Kết quả giám định giấy phép lái xe của C5 là không phải do cơ quan nhà nước phát hành.

50. Bị cáo Trần Văn M1: C5 là em ruột của Trần Văn M1 nên biết M1 chưa có giấy phép lái xe hạng A1, sau khi C5 liên hệ nhờ Đ8 đặt làm giấy phép lái xe thì nói cho M1 biết, M1 liên hệ và chuyển thông tin cá nhân của mình cùng ảnh qua tin nhắn cho Đ8 để nhờ Đ8 làm giấy phép lái xe hạng A1, giá tiền 1.500.000đ, rồi Đ8 chuyển tiếp cho Ph để đặt làm. Khoảng 20 ngày sau, Ph chuyển cho Đ8 01 giấy phép lái xe hạng A1 có ảnh và ghi tên của Trần Văn M1 cùng 01 bộ hồ sơ sát hạch nhưng phần thông tin trong hồ sơ để trống, Đ8 giao lại cho M1 sử dụng đến khi bị phát hiện và thu giữ. Kết quả giám định giấy phép lái xe của M1 là không phải do cơ quan nhà nước phát hành.

51. Bị cáo Lê Thị Thu H8: Tháng 6/2020, H6 biết Nguyễn T8 Đ1 nhờ người làm giấy phép lái xe. Do H6 chưa có giấy phép lái xe hạng A1 nên liên hệ với Đ8 đặt làm. Sau khi trao đổi, H6 đặt Đ8 làm 01 giấy phép lái xe hạng A1 để sử dụng với giá 1.500.000 đồng. Đ8 chụp hình chứng M1 nhân dân và ảnh của H6 để chuyển cho Nguyễn Văn Ph làm. Khoảng 20 ngày sau, Ph chuyển cho Đ8 01 giấy phép lái xe hạng A1 có ảnh và ghi tên Lê Thị Thu H8 cùng 01 bộ hồ sơ sát hạch nhưng thông tin trong hồ sơ bỏ trống, Đ8 giao lại cho H6 sử dụng đến khi bị phát hiện và thu giữ. Kết quả giám định giấy phép lái xe của H6 là không phải do cơ quan nhà nước phát hành.

52. Bị cáo Trần Nguyễn Bích T11: Do chưa có giấy phép lái xe nên khi biết Nguyễn T8 Đ1 nhờ người làm được giấy phép lái xe nên T11 liên hệ với Đ8 để đặt làm. Sau khi trao đổi, T11 đặt Đ8 làm 01 giấy phép lái xe hạng A1 cho mình sử dụng, giá 1.500.000 đồng. Đ8 chụp chứng M1 nhân dân và ảnh của T11 để chuyển tiếp cho Nguyễn Văn Ph làm. Khoảng 20 ngày sau, Ph chuyển cho Đ8 01 giấy phép lái xe hạng A1 có ảnh và ghi tên của Trần Nguyễn Bích T11 cùng 01 bộ hồ sơ sát hạch, Đ8 nhận và giao cho T11 sử dụng đến khi bị phát hiện thu giữ. Kết quả giám định giấy phép lái xe của quyền là không phải do cơ quan nhà nước phát hành.

Kết luận giám định số 112, ngày 10/7/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự C2 an tỉnh Đắk Nông kết luận: 03 Giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Doãn Thị L6, Trương M1 T7, Trương M1 Đ là không phải do Cơ quan Nhà nước phát hành.

Kết luận giám định số 116, ngày 15/7/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự C2 an tỉnh Đắk Nông kết luận: 08 Giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Nguyễn Đình Đức V1, Nguyễn Thị L3, Nguyễn Thị B, Dương Thị Mỹ H2, Nguyễn Thị T2 T6, H' N,

Nguyễn Thị Hà V, Giấy phép lái xe hạng B2 mang tên Hồ Ngọc A2 là không phải do Cơ quan Nhà nước phát hành.

Kết luận giám định số 138, ngày 03/8/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự C2 an tỉnh Đắk Nông kết luận: 02 Giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Đỗ Thị Y và Đỗ Văn G là không phải do Cơ quan Nhà nước phát hành.

Kết luận giám định số 146, ngày 25/8/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự C2 an tỉnh Đắk Nông kết luận: 06 Giấy phép lái xe hạng A1 mang tên H Diệu Y, Nguyễn Thị C4, Nguyễn Thị Ph L2, Ngô Quốc T4, Nguyễn Thị Ngọc T5, Thượng T2 P và 01 căn cước C2 dân mang tên Nguyễn Cao P là không phải do Cơ quan Nhà nước phát hành.

Kết luận giám định số 159, ngày 05/9/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự C2 an tỉnh Đắk Nông kết luận: 02 Giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Trần Danh D1 và H' T là không phải do Cơ quan Nhà nước phát hành.

Kết luận giám định số 163, ngày 31/8/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự C2 an tỉnh Đắk Nông kết luận: 07 Giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Nguyễn Thị L4, Nguyễn Văn C1, Đỗ Văn T10, Nguyễn Thị H5, Trần Thị M1 T12, Vũ Thị Thu Hà, Nguyễn Thị H6 là không phải do Cơ quan Nhà nước phát hành.

Kết luận giám định số 175, ngày 14/9/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự C2 an tỉnh Đắk Nông kết luận: 04 Giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Trần Văn C5, Trần Nguyễn Bích T11, Trần Văn M1, Lê Thị Thu H8 là không phải do Cơ quan Nhà nước phát hành.

Kết luận giám định số 180, ngày 07/10/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự C2 an tỉnh Đắk Nông kết luận: 07 Giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Đặng Thị H2, H Ngọc Y, Mai Thị Mỹ Th, Đỗ Thị Mai A, Phạm Thiên Ph, Nguyễn Huyền Tr, Võ Văn D1 là không phải do Cơ quan Nhà nước phát hành; Hình dấu tròn Sở giao thông vận tải TP Hà Nội trong biên bản tổng hợp kết quả sát hạch mang tên Trần Danh D1 và Nguyễn Thị H5 so với mẫu dấu so sánh do Sở GTVT TP Hà Nội cung cấp là không phải do cùng 1 con dấu đóng ra; Hình dấu tròn Bệnh viện N Thăng L5 trong Giấy khám sức khỏe mang tên Nguyễn Thị H5 so với mẫu dấu so sA2 do Bệnh viện N Thăng L5 cung cấp là không phải do cùng một con dấu đóng ra.

Kết luận giám định số 205, ngày 30/10/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự C2 an tỉnh Đắk Nông kết luận: 01 Giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Nguyễn Huỳnh Tr là không phải do Cơ quan Nhà nước phát hành.

Kết luận giám định số 213, ngày 07/12/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự C2 an tỉnh Đắk Nông kết luận: 12 Giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Đặng T7 T3, Vũ Lê Xuân, Nguyễn Thị H7, Trần Thị L, Trần Văn H8; giấy phép lái xe hạng C mang tên Nguyễn Anh S, giấy phép lái xe hạng B2 mang tên H Xuân H3, Bùi Văn V1, Nguyễn Hải N, Trần Đức M, Đặng Hà H, giấy phép lái xe hạng B1 mang tên Vũ Thị Vân A là không phải do Cơ quan Nhà nước phát hành, Hình dấu tròn Sở giao thông vận tải TP Hà Nội trong biên bản tổng hợp kết quả sát hạch mang tên Đặng T7 T3, Nguyễn Anh S, H Xuân H3, Vũ Thị Vân A, Nguyễn Hải N và Giấy khám sức khỏe mang tên Nguyễn Anh S của Bệnh viện giao thông vận tải Tr1 ương được tạo ra bằng Ph pháp trực tiếp và in màu.

Kết luận giám định số 228, ngày 08/12/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Nông kết luận: 03 Giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Phạm Thị K1, Nguyễn T8 L1, Lương Nhật M là không phải do Cơ quan Nhà nước phát hành; Hình dấu tròn Sở giao thông vận tải TP Hà Nội trong biên bản tổng hợp kết quả sát hạch mang tên Phạm Thị K1 so với mẫu dấu so sánh do Sở GTVT TP Hà Nội cung cấp là không phải do cùng 1 con dấu đóng ra; Hình dấu tròn Bệnh viện N Thăng L5 trong Giấy khám sức khỏe mang tên Phạm Thị K1 so với mẫu dấu so sánh do Bệnh viện N Thăng L5 cung cấp là không phải do cùng một con dấu đóng ra.

Kết luận giám định số 229, ngày 08/12/2010 của Phòng kỹ thuật hình sự C2 an tỉnh Đắk Nông kết luận: 01 Giấy phép lái xe hạng A2 mang tên Đặng Hiếu T9 là không phải do Cơ quan Nhà nước phát hành.

Kết luận giám định số 238, ngày 11/01/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự C2 an tỉnh Đắk Nông kết luận: chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Thị H5 trên biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe và trên Giấy khám sức khỏe của người lái xe so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Thị H5 trên tài liệu mẫu so sánh là do cùng 01 người ký, viết ra; Chữ ký, chữ viết trong hồ sơ sát hạch mang tên Nguyễn Thị Hà V, Nguyễn Thị T2 T6, Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị C4, Nguyễn Thị Ph L2, Ngô Quốc T4, H' N, H' T, H Diệu Y, Thượng T2 P, Trần Danh D1 so với chữ ký, chữ viết của những người trên là không phải do cùng một người ký, viết ra.

Kết luận giám định số 255, ngày 02/02/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự C2 an tỉnh Đắk Nông kết luận: chữ ký, chữ viết mang tên Vũ Thị Vân A trên Biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe ô tô so với chữ ký, chữ viết của Vũ Thị Vân A trên tài liệu mẫu so sA2 là do cùng 01 người ký, viết ra; chữ ký, chữ viết mang tên H Xuân H3 trên Biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe ô tô so với chữ ký, chữ viết của H Xuân H3 trên tài liệu mẫu so sA2 là do cùng 01 người ký, viết ra; chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Hải N trên Biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe ô tô so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Hải N trên tài liệu mẫu so sA2 là do cùng 01 người ký, viết ra; chữ ký, chữ viết mang tên Đặng T7 T3 trên Biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe máy so với chữ ký, chữ viết của Đặng T7 T3 trên tài liệu mẫu so sA2 là do cùng 01 người ký, viết ra; chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Anh S trên Biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe ô tô so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Anh S trên tài liệu mẫu so sA2 là do cùng 01 người ký, viết ra; chữ ký, chữ viết mang tên Phạm Thị K1 trên Biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe máy và Giấy khám sức khỏe của người lái xe so với chữ ký, chữ viết của Phạm Thị K1 trên tài liệu mẫu so sA2 là do cùng 01 người ký, viết ra; chữ ký, chữ viết mang tên Trần Danh D1 trên biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe so với chữ ký, chữ viết của Trịnh Thị T3 trên tài liệu mẫu so sA2 là do cùng 01 người ký, viết ra; Hình dấu tròn Sở giao thông vận tải TP Hà Nội trong biên bản tổng hợp kết quả sát hạch mang tên Vũ Thị Vân A, H Xuân H3, Nguyễn Hải N, Đặng T7 T3, Nguyễn Anh S so với mẫu dấu So sA2 do Sở GTVT TP Hà Nội cung cấp là không phải do cùng 1 con dấu đóng ra.

Sở Giao thông vận tải có C2 văn số 3957 ngày 31/7/2020 trả lời không có ai là T8 viên Hội đồng sát hạch tại sở mang tên gồm: Lê M1 T10, Trương Văn H, Nguyễn Nguyệt H, Phạm Đức Q, Hồ Thị T, Trần Quang Lê, Nguyễn Xuân L, Lâm T2 Vũ, Trần Văn G, Nguyễn Tấn X, Nguyễn Chiến T, Lê Mộng T, Hồ Thị H, Trần Văn P,

Phạm Hữu T và Lý Thị P như ghi và ký tên trong các biên bản tổng hợp kết quả sát hạch.

Tại Bản án Hình sự sơ thẩm số 58/2021/HS-ST ngày 16 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông đã tuyên xử:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn Ph, H Danh T1, Nguyễn Chí T2, Ngô Thị Bích H1, Nguyễn Văn M, Nguyễn Anh S, Đặng T7 T3, Phạm Văn H4, Đỗ Văn D, Phạm Văn K, Nguyễn T8 L5, Nguyễn T8 Đ1, Nguyễn T8 L1, H Diệu Y, H' V, Nguyễn Thị B, Trần Danh D1, Trịnh Thị T3, Trần Thị L, Nguyễn Văn C1, Vũ Chí C2, Phạm Thị K1, Nguyễn Thị H5, Nguyễn Hải N, Vũ Thị Vân A, H Xuân H3, Thượng T2 P, Lê Thị L4, Nguyễn Thị Ph L2, Ngô Quốc T4, Nguyễn Thị C4, Nguyễn Thị Ngọc T5, Nguyễn Thị L3, Nguyễn Thị Hà V, Nguyễn Thị T2 T6, H' N, H' C, H' T, Dương Thị H6 N1, Dương Thị Mỹ H2, Trương M1 T7, Trương M1 Đ, Đặng C2 Nhật T8, Đặng Hiếu T9, Lương Nhật M, Đỗ Văn T10, Nguyễn Thị H6, Nguyễn Thị H7, Trần Văn C5, Trần Văn M1, Lê Thị Thu H8, Trần Nguyễn Bích T11 phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”

1.1. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Ph 04 (Bốn) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giam ngày 01/8/2020 đến ngày 15/12/2020.

1.2. Áp dụng điểm a, c khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn T8 L5 04 (Bốn) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam ngày 02/8/2020 đến ngày 15/12/2020.

1.3. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo H Danh T1 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam ngày 08/7/2020 đến ngày 26/8/2020.

1.4. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Chí T2 03 (Ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù năm tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam ngày 08/7/2020 đến ngày 26/8/2020.

1.5. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Ngô Thị Bích H1 03 (Ba) năm 04 (Bốn) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

1.6. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Anh S 03 (Ba) năm 03 (Ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù năm tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ ngày 03/11/2020 đến ngày 12/11/2020.

1.7. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đỗ Văn D 03 (Ba) năm 03 (Ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù năm tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam ngày 30/8/2020 đến ngày 10/9/2020.

1.8. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đặng T7 T3 03 (Ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ ngày 03/11/2020 đến ngày 12/11/2020.

1.9. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M 03 (Ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

1.10. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn H4 (Ba) 03 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam ngày 30/8/2020 đến ngày 10/9/2020.

1.11. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn K 03 (Ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giam ngày 30/10/2020 đến ngày 13/11/2020.

1.12. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Hải N 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù năm tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam ngày 11/9/2020 đến ngày 08/10/2020.

1.13. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn T8 Đ1 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

1.14. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Võ Chí C2 (Hai) 02 năm 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

1.15. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C1 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 54 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

1.16. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H5 02 (Hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù năm tù tính từ ngày bắt thi hành án.

1.17. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo H Xuân H3 02 (Hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù năm tù tính từ ngày bắt thi hành án.

1.18. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo H' V, Nguyễn Thị K, Nguyễn Thị B, Nguyễn T8 L1, Trịnh Thị T3, H Diệu Y mỗi bị cáo 02 (Hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

1.19. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 341; điểm s, u khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Vũ Thị Vân A 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

1.20. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 341; điểm s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Thị L 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

1.21. Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Danh D1, Thượng T2 P, Lê Thị L4, Nguyễn Thị Ph L2, Ngô Quốc T4, Nguyễn Thị C4, Nguyễn Thị Ngọc T5, Nguyễn Thị L3, Nguyễn Thị T2 T6, H' N, Dương Thị H6 N1, Dương Thị Mỹ H2, Lương Nhật M, Trần Văn C5, Trần Văn M1 mỗi bị cáo 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

1.22. Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm i, s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hà V, H' C xử phạt mỗi bị cáo 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

1.23. Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự (áp dụng thêm điểm n khoản 1 Điều 51 BLHS đối với bị cáo Nguyễn Thị H6) xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H6, Đặng C2 Nhật T8, Đặng Hiếu T9, Đỗ Văn T10, Nguyễn Thị H7, Lê Thị Thu H8, Trần Nguyễn Bích T11 mỗi bị cáo bị phạt số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng):

1.24. Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm i, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 59 của Bộ luật Hình sự (áp dụng thêm điểm q khoản 1 Điều 51 đối với bị cáo H' T) miễn hình phạt đối với bị cáo H' T, Trương M1 T7, Trương M1 Đ.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn giải quyết các vấn đề liên quan hình phạt bổ sung, án phí, xử lý vật chứng và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo Nguyễn Chí T2, Ngô Thị Bích H1, Nguyễn Văn M, Nguyễn Anh S, H Xuân H3, Đặng T7 T3, Nguyễn Hải N, Phạm Văn H4, Đỗ Văn D, Phạm Văn K, Nguyễn Thị H5 làm đơn kháng cáo xin được xem xét giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Bị cáo H Diệu Y kháng cáo xin được chấp hành hình phạt phạt tiền.

Bị cáo H Danh T1, Dương Thị Mỹ H2 làm đơn kháng cáo kêu oan.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo Nguyễn Chí T2, Ngô Thị Bích H1, Nguyễn Văn M, H Xuân H3, Đỗ Văn D, Phạm Văn K, Nguyễn Thị H5 trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Các bị cáo H Diệu Y, Dương Thị Mỹ H2, Phạm Văn H4, Nguyễn Anh S, Đặng T7 T3, Nguyễn Hải N vắng mặt.

Bị cáo H Danh T1 trình bày thay đổi nội dung kháng cáo, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và xin giảm nhẹ hình phạt.

Luật sư bào chữa cho bị cáo M trình bày: Bị cáo M chấp hành tốt pháp luật ở địa Ph có xác nhận; bị cáo đã L2 hôn và đang nuôi con nhỏ; có giấy khen về T8 tích xuất sắc trong huấn luyện dân quân tự vệ thể hiện bị cáo có nhân thân tốt; bị cáo phạm tội lần đầu. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo H5 trình bày: Bị cáo có bố là Nguyễn Văn Bằng có huân chương chiến sĩ vẻ vang; chấp hành đúng pháp luật của nhà nước; cha ruột và anh ruột đều có C2 với cách mạng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đầy đủ theo qui định của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017), những người tham gia phiên tòa cũng đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo luật định.

Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T1 thay đổi nội dung kháng cáo, thừa nhận hành vi phạm tội và xin giảm nhẹ hình phạt. Thấy rằng, các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội; các bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp được các tình tiết gì mới, mức án tuyên xử của Tòa án cấp sơ thẩm là phù hợp. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được Tr tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo H Danh T1, Nguyễn Chí T2, Ngô Thị Bích H1, H Diệu Y, Nguyễn Văn M, Nguyễn Anh S, H Xuân H3, Đặng T7 T3, Nguyễn Hải N, Phạm Văn H4, Đỗ Văn D, Phạm Văn K, Nguyễn Thị H5, Dương Thị Mỹ H2 có làm đơn kháng cáo. Xét đơn kháng cáo của các bị cáo làm và nộp trong thời hạn luật định nên được xét xử theo thủ tục phúc thẩm theo quy định tại các Điều 331, Điều 332, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[2] Về nội dung giải quyết yêu cầu kháng cáo của các bị cáo H Danh T1, Nguyễn Chí T2, Ngô Thị Bích H1, H Diệu Y, Nguyễn Văn M, Nguyễn Anh S, H Xuân H3, Đặng T7 T3, Nguyễn Hải N, Phạm Văn H4, Đỗ Văn D, Phạm Văn K, Nguyễn Thị H5:

[2.1] Các bị cáo đều thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung của Bản cáo trạng đã truy tố và bản án sơ thẩm đã quy kết, trình bày của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thể hiện như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 12/2018 đến ngày 07/7/2020, C2 an tỉnh Đắk Nông đã phát hiện, thu giữ và bắt quả tang nhiều bị cáo nhận làm giấy phép lái xe giả các loại và các tài liệu giả khác, người sử dụng chỉ cần cung cấp thông tin cá nhân, ảnh chân dung và chi phí, thì sau 10 đến 30 ngày sẽ nhận được giấy phép lái xe và hồ sơ (hồ sơ bỏ trống chưa ghi thông tin cá nhân). Quá trình điều tra phát hiện và thu giữ

nhieu giấy phép lái xe và hồ sơ của người sử dụng ở nhiều tỉnh, T8 phổ trên cả nước. Số lượng tài liệu giả các bị cáo nhận làm và thu lợi bất chính từ việc làm giả như sau:

H Danh T1 nhận làm 28 tài liệu, chưa thu lợi; Nguyễn Chí T2 nhận làm 25 tài liệu, thu lợi 750 nghìn đồng; Ngô Thị Bích H1 nhận làm 20 tài liệu, thu lợi 2,6 triệu đồng; Nguyễn Anh S nhận làm 14 tài liệu, chưa thu lợi; Đỗ Văn D nhận làm 12 tài liệu, chưa thu lợi; Đặng T7 T3 và Phạm Văn H4 mỗi bị cáo nhận làm 09 tài liệu, chưa thu lợi; Nguyễn Văn M và Phạm Văn K mỗi bị cáo nhận làm 08 tài liệu, chưa thu lợi; Nguyễn Hải N nhận làm 04 tài liệu, chưa thu lợi; Nguyễn Thị H5 làm 03 tài liệu, chưa thu lợi; H Diệu Y, H Xuân H3 mỗi bị cáo làm 02 tài liệu, chưa thu lợi.

Qua giám định xác định giấy phép lái xe các loại đã thu giữ, biên bản tổng hợp kết quả sát hạch và giấy khám sức khỏe không phải do cơ quan Nhà nước phát hành.

[2.2] Đối chiếu với trường hợp phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi của các bị cáo H Danh T1, Nguyễn Chí T2, Ngô Thị Bích H1, H Diệu Y, Nguyễn Văn M, Nguyễn Anh S, H Xuân H3, Đặng T7 T3, Nguyễn Hải N, Phạm Văn H4, Đỗ Văn D, Phạm Văn K, Nguyễn Thị H5 đã đủ yếu tố cấu T8 tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”, tội phạm và hình phạt quy định tại Điều 341 của Bộ luật Hình sự.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo H Danh T1, Nguyễn Chí T2, Ngô Thị Bích H1, Nguyễn Văn M, Nguyễn Anh S, Đặng T7 T3, Phạm Văn H4, Đỗ Văn D, Phạm Văn K theo điểm a khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự; Các bị cáo H Diệu Y, Nguyễn Thị H5, Nguyễn Hải N, H Xuân H3 theo điểm c khoản 2 Điều 341 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.3] Đối với kháng cáo của các bị cáo H Danh T1, Nguyễn Chí T2, Ngô Thị Bích H1, Nguyễn Anh S, Đặng T7 T3, Phạm Văn H4, Đỗ Văn D, Phạm Văn K, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Sau khi phạm tội các bị cáo đều T8 khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên Tòa sơ thẩm đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

Các bị cáo H Danh T1, Ngô Thị Bích H1, Nguyễn Anh S, Phạm Văn K và Phạm Văn H4 có người thân là người có C2 với cách mạng, được Nhà nước tặng T1 Huân, Huy chương kháng chiến; Đỗ Văn D đã nộp 7.000.000 đồng, Ngô Thị Bích H1 đã nộp 2.600.000 đồng tiền thu lợi bất chính do phạm tội mà có nên tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

Bị cáo Phạm Văn K cho rằng có chỉ điểm cho C2 an trong đấu Tr phòng chống ma T3y tại địa Ph. Tuy nhiên, bị cáo không xuất trình tài liệu có thể chứng M1 việc này nên không có căn cứ để xem xét.

Từ những căn cứ trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử H Danh T1, Nguyễn Chí T2 03 năm 06 tháng tù; Ngô Thị Bích H1 03 năm 04 tháng tù; Nguyễn Anh S, Đỗ Văn D 03 năm 03 tháng tù; Nguyễn Văn M, Đặng T7 T3, Phạm Văn H4, Phạm Văn K 03 năm tù là phù hợp với những quy định như đã phân tích. Các bị cáo kháng cáo nhưng cũng không cung cấp được chứng cứ gì mới nên không có căn cứ để xem xét.

[2.4] Đối với kháng cáo của các H Diệu Y, Nguyễn Hải N, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Bị cáo Nguyễn Hải N mới bị kết án 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng. Bị cáo phạm tội trong thời gian chấp hành án treo nên Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo 02 năm 06 tháng tù là có căn cứ, đúng pháp luật.

Bị cáo H Diệu Y cho rằng xét xử bị cáo theo điểm c khoản 2 Điều 341 của Bộ luật Hình sự là không có căn cứ, đề nghị được áp dụng về khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự và cho bị cáo được áp dụng hình phạt tiền. Như đã phân tích ở mục [2.2] thì bị cáo Y nhận làm giả 02 tài liệu nên Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo theo điểm c khoản 2 Điều 341 của Bộ luật Hình sự là đúng với quy định của pháp luật. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 nên tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo là có căn cứ.

[2.5] Đối với kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị H5, H Xuân H3, Nguyễn Văn M Hội đồng xét xử thấy rằng:

Các bị cáo Nguyễn Thị H5, H Xuân H3 có nhân thân tốt, nơi cư trú rõ ràng. Sau khi phạm tội các bị cáo T8 khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Các bị cáo đặt làm giấy phép lái xe để bản thân các bị cáo sử dụng chứ không nhận làm của người khác để thu lợi, bị cáo H3 sau khi đặt làm đã nghi ngờ giấy phép giả nên đã chủ động liên hệ với bị cáo S để trả lại, bản thân chưa thu lợi từ hành vi phạm tội gây ra đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Tại cấp phúc thẩm, các bị cáo có nộp các tài liệu chứng M1 có người thân là người có C2 với cách mạng, gia đình có hoàn C5 khó khăn có xác nhận của địa Ph nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn M, bị cáo đặt làm giả 08 tài liệu do bị cáo tin tưởng nên đặt làm, sau khi nhận được bằng do nghi ngờ là bằng giả nên bị cáo không giao cho ai đến khi C2 an thu giữ. Hiện tại, gia đình bị cáo đã L2 hôn, hiện nuôi con còn nhỏ sinh năm 2020, đang ở nhà thuê, hoàn C5 hết sức khó khăn, được chính quyền địa Ph xác nhận chấp hành tốt chủ trương, pháp luật của nhà nước; có giấy khen của chính quyền địa Ph về hoàn T8 xuất sắc C2 tác huấn luyện dân Q tự vệ. Xét không cần cách L2 bị cáo mà cho bị cáo hưởng án treo để tạo điều kiện cho bị cáo nuôi con nhỏ nhằm thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

Theo Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP-TANDTC ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, quy định các điều kiện cho hưởng án treo và các điều kiện không cho hưởng án treo cụ thể như sau:

Điều 2: Điều kiện cho người bị kết án phạt tù được hưởng án treo:

1/ Bị xử phạt tù không quá 3 năm.

2/ Có nhân thân tốt.

3/ Có từ 2 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trở lên trong đó có ít nhất một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định khoản 1 Điều 51 BLHS và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tại khoản 1 Điều 52 BLHS.

4/ Có nơi cư trú rõ ràng, có C2 việc ổn định để cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giám sát, giáo dục.

5/ Xét thấy không cần phải chấp hành hình phạt tù nếu người phạm tội có khả năng tự cải tạo và việc cho họ hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng đến an ninh trật tự ngoài xã hội.

Điều 3: Những trường hợp không cho hưởng án treo:

1/ Người phạm tội là người chủ mưu cầm đầu chỉ huy, ngoan cố chống đối, côn đồ dùng thủ đoạn xảo quyệt có tính chất chuyên nghề, lợi dụng chức vụ quyền hạn để trục lợi, cố ý gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng.

2/ Người thực hiện hành vi bỏ trốn và đã bị các cơ quan T hành tố tụng, truy nã.

3/ Người được hưởng án treo phạm tội mới trong thời gian thử thách, người đang được hưởng án treo bị xét xử về một tội phạm khác trước khi được hưởng án treo.

4/ Người phạm tội bị xét xử trong một lần về nhiều tội trừ trường hợp dưới 18 tuổi.

5/ Người phạm tội nhiều lần trừ trường hợp người phạm tội dưới 18 tuổi,

6/ Phạm tội thuộc trường hợp tái phạm, tái phạm nguy hiểm.

Đối chiếu trường hợp của các bị cáo Nguyễn Thị H5, H Xuân H3, Nguyễn Văn M thì thấy rằng: Các bị cáo H5, H3, M có đủ các điều kiện để được áp dụng Điều 65 của Bộ Luật tố tụng Hình sự, cũng như áp dụng Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP-TANDTC ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định về hưởng án treo, nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo các bị cáo, cho các bị cáo Nguyễn Thị H5, H Xuân H3, Nguyễn Văn M được hưởng án treo.

[3] Đối với kháng cáo kêu oan của bị cáo Dương Thị Mỹ H2, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bị cáo Dương Thị Mỹ H2 thừa nhận hành vi gửi thông tin, ảnh cho Nguyễn Thị H6 N1 để bị cáo N1 đặt cho Nguyễn Chí T2 làm giấy phép lái xe không phải học và thi sát hạch, thừa nhận nếu không cung cấp thông tin, ảnh thì không đặt làm được giấy phép lái xe. Như vậy, hành vi của bị cáo H2 là đồng phạm về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại Điều 17 của Bộ Luật Hình sự. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Dương Thị Mỹ H2 theo khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự với mức án 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan.

Bị cáo kháng cáo nhưng cũng không có cung cấp được chứng cứ gì mới nên không có căn cứ để chấp nhận.

[4] Về án phí: Các bị cáo H Danh T1, Nguyễn Chí T2, Ngô Thị Bích H1, H Diệu Y, Nguyễn Anh S, Đặng T7 T3, Nguyễn Hải N, Phạm Văn H4, Đỗ Văn D, Phạm Văn K, Dương Thị Mỹ H2 có kháng cáo nhưng không được chấp nhận nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Các bị cáo Nguyễn Thị H5, H Xuân H3, Nguyễn Văn M được chấp nhận kháng cáo nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các phần nội dung khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật thi hành.

Bởi các lẽ trên,

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

QUYẾT ĐỊNH

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo H Danh T1, Nguyễn Chí T2, Ngô Thị Bích H1, Nguyễn Anh S, Đặng T7 T3, Nguyễn Hải N, Phạm Văn H4, Đỗ Văn D, Phạm Văn K về việc xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo H Diệu Y về việc áp dụng hình phạt phạt tiền.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Dương Thị Mỹ H2 về việc kêu oan.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị H5, H Xuân H3, Nguyễn Văn M về việc xin được hưởng án treo.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn Ph, Nguyễn T8 L5

Sửa một phần Bản án Hình sự sơ thẩm số 58/2021/HS-ST ngày 16 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông về hình phạt của các bị cáo Nguyễn Thị H5, H Xuân H3, Nguyễn Văn M

1. Tuyên bố: Các bị cáo H Danh T1, Nguyễn Chí T2, Ngô Thị Bích H1, H Diệu Y, Nguyễn Văn M, Nguyễn Anh S, H Xuân H3, Đặng T7 T3, Nguyễn Hải N, Phạm Văn H4, Đỗ Văn D, Phạm Văn K, Nguyễn Thị H5, Dương Thị Mỹ H2 phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”

1.1. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo H Danh T1 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam ngày 08/7/2020 đến ngày 26/8/2020.

1.2. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Chí T2 03 (Ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam ngày 08/7/2020 đến ngày 26/8/2020.

1.3. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Ngô Thị Bích H1 03 (Ba) năm 04 (Bốn) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

1.4. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Anh S 03 (Ba) năm 03 (Ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ ngày 03/11/2020 đến ngày 12/11/2020.

1.5. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đỗ Văn D 03 (Ba) năm 03 (Ba) tháng tù, thời hạn

chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam ngày 30/8/2020 đến ngày 10/9/2020.

1.6. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đặng T7 T3 03 (Ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ ngày 03/11/2020 đến ngày 12/11/2020.

1.7. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M 03 (Ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 5 năm, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

1.8. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn H4 (Ba) 03 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam ngày 30/8/2020 đến ngày 10/9/2020.

1.9. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn K 03 (Ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giam ngày 30/10/2020 đến ngày 13/11/2020.

1.10. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Hải N 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù năm tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam ngày 11/9/2020 đến ngày 08/10/2020.

1.11. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H5 02 (Hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo Nguyễn Thị H5 cho Ủy ban nhân dân xã N T, huyện N Trực, tỉnh N Định giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

1.12. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo H Xuân H3 02 (Hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo H Xuân H3 cho Ủy ban nhân dân xã Lê Lợi, huyện An Dương, tỉnh Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

1.13. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo H Diệu Y 02 (Hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo H Diệu Y cho Ủy ban nhân dân xã Đắk Sắk, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

1.14. Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Dương Thị Mỹ H2, 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Dương Thị Mỹ H2 cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách

2. Trong thời gian thử thách, trường hợp các bị cáo Nguyễn Thị H5, H Xuân H3, H Diệu Y, Dương Thị Mỹ H2, Nguyễn Văn M cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 92 Luật thi hành án hình sự năm 2019.

3. Về án phí: Áp dụng các Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo H Danh T1, Nguyễn Chí T2, Ngô Thị Bích H1, H Diệu Y, Nguyễn Anh S, Đặng T7 T3, Nguyễn Hải N, Phạm Văn H4, Đỗ Văn D, Phạm Văn K, Dương Thị Mỹ H2 phải chịu mỗi người 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- C2 an tỉnh Đắk Nông;
- Cục THADS tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Trại tạm giam CA tỉnh Đắk Nông;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VP; HSVA; NTV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hồ Tâm Tú